

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH TẤT

TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Hà Nội, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH TÁT

TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH

Ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 8.38.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN TRÍ TUỆ

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi; các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Thành Tất

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY	6
1.1. Khái niệm và sự cần thiết của việc quy định tội mua bán trái phép chất ma túy trong luật hình sự Việt Nam.....	6
1.2. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội mua bán trái phép chất ma túy	16
Chương 2 TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH.....	25
2.1. Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định của BLHS 2015.....	25
2.2. Thực tiễn xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.....	34
Chương 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ VỀ TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY.....	52
3.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy.....	52
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử Tội mua bán trái phép chất ma túy.....	59
3.3 Nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng	66
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BLHS :	Bộ luật hình sự
CTTP :	Cấu thành tội phạm
MBTPCMT:	Mua bán trái phép chất ma túy
TAND:	Tòa án nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: So sánh tình hình tội phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy35	35
với tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ năm 2013 – 201736	36
Bảng 2.2: Bảng biểu diễn mức hình phạt áp dụng khi xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn 2013 - 201737	37
Biểu đồ mức hình phạt áp dụng khi xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn 2013 - 201738	38
Bảng 2.3. Đặc điểm nhân thân của các bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy được thể hiện thông qua bảng dưới đây:39	39

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Thời gian gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đất nước ta vươn lên kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bắt đầu thu về những thành tựu nổi bật: về kinh tế tăng trưởng mạnh, văn hóa, giáo dục, chính trị ổn định, chủ quyền quốc gia được giữ vững, an sinh xã hội được quan tâm... Bên cạnh đó kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực ảnh hưởng đến tình hình văn hóa, chính trị, trật tự xã hội.... Trong đó có tệ nạn ma túy.

Bắc Ninh là tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và Bắc Ninh chính là cầu nối giữa Hà Nội và các tỉnh trung du miền núi phía Bắc và trên hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long. Bắc Ninh còn là một trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao, giao lưu kinh tế mạnh của cả nước, có nhiều lợi thế về phát triển kinh tế - thương mại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng. Thời gian gần đây tình hình tội phạm ma túy diễn ra hết sức phức tạp. Tuy không phải là vùng trọng điểm về tội phạm về ma túy của cả nước nhưng nhiều vụ án ma túy lớn đã được truy tố và xét xử ở Bắc Ninh càng cho thấy tội phạm về ma túy hoạt động ngày càng tinh vi và có quy mô lớn.

Qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tại tỉnh Bắc Ninh thì thấy rằng các tội về ma túy trong đó có tội MBTPCMT có tỉ lệ cao trong tổng số tội phạm hình sự. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy lùi tiến tới xóa bỏ tội phạm ma túy. Các hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị xử lý bằng hình phạt nghiêm khắc. Cùng với cả nước tỉnh Bắc Ninh đã yêu cầu, các cấp, các ngành nâng cao năng lực, hiệu quả công tác phòng chống ma túy.

Chính nhờ thực tiễn đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại Bắc Ninh cho thấy những hạn chế, vướng mắc cần phải được hoàn thiện về nhiều mặt trong đó có cả mặt pháp luật, cũng như hướng áp dụng về tội MBTPCMT bằng pháp luật hình sự.

Vậy nên học viên lựa chọn đề tài: ***“Tội mua bán trái phép chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh”*** làm đề tài nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

Tội phạm về ma túy không phải là vấn đề mới và đã có nhiều tác giả đề cập đến loại tội phạm này như:

- *“Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994;
- *“Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ Luật Hình sự - Phần các tội phạm”*, Th.s Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2005;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm”*, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội (1997);
- *“Định tội danh – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, GS.TSKH Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân các số 3, 4, 5, 8 và 11/1999;
- *“Bình luận khoa học BLHS năm 1999 của Thạc sĩ Đinh Văn Quế”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000;
- *“Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam”* 2005, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm”* (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- *“Các tội phạm về ma túy ở Việt Nam cơ sở lý luận và thực tiễn xét xử (tài liệu tham khảo dùng cho các Thẩm phán, thư kí Tòa án)”*, Phạm Minh Tuyên, nxb Hồng Đức, 2013.
- *“Lý luận chung về định tội danh”* (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội”, Hà Nội;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”* (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

2.2. Tình hình nghiên cứu đề tài.

Ngoài ra ở cấp độ luận văn thạc sĩ cũng có nhiều đề tài về tội phạm ma túy, những luận văn thạc sĩ sau đây về tội phạm ma túy đã được học viên tham khảo:

- Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lai Châu”* của tác giả Nguyễn Huy Hoàng, Học viên Khoa học xã hội- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013;

- Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng”* của tác giả Phạm Trung Hiếu, Học viên Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013;

- Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk”* của tác giả Phan Thị Hồng Thắng, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013;

- Luận văn Thạc sĩ Luật học: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sơn La”*, của tác giả Mai Ngọc Chính, Học viên khoa học xã hội, năm 2017.

Những công trình nghiên cứu nêu trên đều nghiên cứu tình hình tội phạm ma túy trên các địa phương khác hoặc nghiên cứu chung cả nước, trong khi đó chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về tội mua bán trái phép chất ma túy theo BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trên cơ sở thực tiễn tỉnh Bắc Ninh. Trong luận văn này học viên dựa trên những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, những số liệu, vụ án thực tế tại tỉnh Bắc Ninh. Nhằm chỉ ra những hạn chế, bất cập, đồng thời kiến nghị hoàn thiện BLHS và các văn bản liên quan.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về tội MBTPCMT, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, từ đó xác định những tồn tại, bất cập trong quy định của BLHS và đưa ra những kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật

hình sự về tội MBTPCMT và các văn bản hướng dẫn áp dụng nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả của công tác áp dụng pháp luật đối với tội MBTPCMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận pháp luật về tội MBTPCMT theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Phân tích, đánh giá quy định hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về tội MBTPCMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013-2017.

Kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn 2013-2017 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, luận văn xác định và luận giải sự phù hợp và chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành luật Hình sự và Tố tụng hình sự.

Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh.

Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết những vấn đề trên, việc nghiên cứu đề tài được tiến hành trên cơ sở phương pháp luận Mác – Lê Nin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng về đấu

tranh phòng chống tội phạm, văn bản pháp luật của Nhà nước về các vấn đề tội phạm và hình phạt. Bên cạnh đó, luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: Phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, quy nạp, diễn dịch, nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu bản án... và các phương pháp nghiên cứu của khoa học hình sự để hoàn thiện pháp luật hình sự đối với Tội mua bán trái phép chất ma túy.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Về mặt lý luận, luận văn được thực hiện có ý nghĩa góp phần nhằm làm rõ hơn những vấn đề về lý luận và thực tiễn xét xử Tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Về mặt thực tiễn luận văn là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Tòa án giải quyết vụ án hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy được khách quan, công bằng và có căn cứ pháp luật. Luận văn còn là tài liệu tham khảo cho các sinh viên, học viên chuyên ngành luật hình sự trên các cơ sở đào tạo luật trên cả nước. Ngoài ra việc tìm hiểu thực tiễn xét xử tội MBTPCMT trên thực tế tại địa phương và những vụ án cụ thể có liên quan từ đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội này, tạo thuận lợi cho công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm này ở tỉnh Bắc Ninh.

7. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Những vấn đề chung về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Chương 2: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định của Bộ luật hình sự 2015 và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

1.1. Khái niệm và sự cần thiết của việc quy định tội mua bán trái phép chất ma túy trong luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm tội mua bán trái phép chất ma túy

1.1.1.1. Khái niệm tội phạm.

Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đưa ra khái niệm về tội phạm như sau:

“1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

2. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

4. *Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.*”.[30].

Khoản 1 của Điều luật xác định khái niệm tội phạm một cách khoa học, thể hiện tập trung nhất quan điểm của Nhà nước về tội phạm. Nó không chỉ là cơ sở khoa học thống nhất cho việc xác định những loại tội phạm cụ thể trong việc phân loại các tội phạm của BLHS mà còn là cơ sở cho việc nhận thức và áp dụng đúng những điều luật quy định về từng loại tội phạm cụ thể.

Nếu như Điều 1 của Bộ luật Hình sự nêu lên những quan hệ xã hội chung quan trọng nhất được Bộ luật Hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ khỏi sự xâm hại của tội phạm thì khoản 1 Điều 8 đã cụ thể hóa những quan hệ xã hội đó thành những khách thể của tội phạm. Đó là: *“Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa*”.[30].

Khái niệm tội phạm luôn là vấn đề trung tâm của luật Hình sự. Việc đưa ra khái niệm này cho phép phân biệt hành vi nào là tội phạm hành vi nào không phải là tội phạm. Các luật gia tư sản nhấn mạnh tính hình thức của tội phạm. Cụ thể họ cho rằng: Tội phạm là hành vi bị luật Hình sự cấm hoặc là *“Vi phạm pháp luật bị Bộ luật Hình sự trừng trị*”: (BLHS Pháp 1810) hoặc là *“Hành vi do luật Hình sự cấm bằng nguy cơ xử phạt*” (BLHS Thụy Sĩ năm 1937). Như vậy, yếu tố luật Hình sự quy định, luật Hình sự cấm, luật Hình sự trừng trị là đặc điểm duy nhất của tội phạm. Điều này hết sức nguy hiểm ở chỗ nhiều khi nó cho phép nhà làm luật đưa ý chí chủ quan của mình vào việc quy định hành vi nào là tội phạm. Tuy nhiên, yếu tố luật định của tội phạm mà luật Hình sự tư sản đưa ra đã cho thấy được tiến bộ vượt bậc. So với luật Hình sự phong kiến tránh được sự tùy tiện khi coi một hành vi nào đó là tội phạm. Được quy định tội phạm luật Hình sự hay Bộ luật Hình sự

chỉ là dấu hiệu hình thức của tội phạm. Tội phạm còn được xác định thông qua dấu hiệu về mặt nội dung. Đó là: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội”*. Tuy nhiên đánh giá thế nào là nguy hiểm cho xã hội là vấn đề cần được làm sáng tỏ nếu không dễ rơi vào chủ quan, duy ý chí khi quy định tội phạm. Các tiêu chí để xác định tính nguy hiểm cho xã hội ở mức độ tội phạm gồm:

- Tính chất của các quan hệ xã hội bị xâm hại
- Hậu quả do hành vi phạm tội gây ra
- Tính chất và mức độ lỗi: các hình thức lỗi, các dạng lỗi, động cơ mục đích phạm tội...
- Các yếu tố đặc trưng cho hành vi phạm tội như thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, công cụ phạm tội.

Trong Bộ luật Hình sự Việt Nam còn có một yếu tố mà nhà làm luật xem như một trong những yếu tố làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó là yếu tố nhân thân người phạm tội. Ví dụ yếu tố *“Đã bị xử lý hành chính”*... Đây là vấn đề đang tranh luận trong khoa học luật Hình sự. Bởi lẽ việc quy định yếu tố nhân thân của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không phù hợp với nguyên tắc chung của luật Hình sự. Đó là nguyên tắc: *“Một người không thể bị xử phạt hình sự về nhân thân xấu của họ”*.

Tội phạm còn được thể hiện thông qua dấu hiệu: Năng lực trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Đây là đặc tính quan trọng không thể bỏ qua khi quy định khái niệm tội phạm. Năng lực trách nhiệm hình sự thể hiện ở khả năng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhận thức và điều được hành vi của mình. Điều đó cho thấy cho dù gây thiệt hại cho quan hệ xã hội nào đó nhưng nếu người thực hiện hành vi nguy hiểm không nhận thức được hành vi, không điều khiển được hành vi thì hành vi đó không là hành vi tội phạm.

Tính có lỗi: Tội phạm luôn là hành vi có lỗi. Cũng có lúc, có Bộ luật Hình sự coi những hành vi không có lỗi là tội phạm. Đây được gọi là nguyên tắc *“quy tội khách quan”* – chỉ căn cứ vào hành vi để buộc tội trong khi tội phạm là tổng hợp các yếu tố chủ quan và khách quan. Yếu tố khách quan là các hành vi, yếu tố

chủ quan là lỗi. Lỗi có một quá trình hình thành từ khi phát sinh những nhu cầu, xác định động cơ, mục đích, nhận thức các yếu tố chủ quan, khách quan của hành vi và cuối cùng là lựa chọn và quyết định thực hiện hành vi.

Như vậy, căn cứ vào Điều 8 BLHS có thể đưa ra khái niệm tội phạm một cách khái quát: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực TNHS thực hiện, có lỗi được quy định trong BLHS.

1.1.1.2. Khái niệm chất ma túy

Từ xưa do nền y học còn hạn chế nên chữa bệnh chủ yếu bằng các cây, cỏ có trong tự nhiên, người ta đã phát hiện ra một số loại cây như: thuốc phiện, cây cocain, cây cần sa chữa được một số bệnh rất hiệu quả. Nhưng loại “*dược phẩm*” này sẽ thành “*chất độc*” nếu lạm dụng, sử dụng không chính đáng, nó làm cho con người mê mẩn, ngây ngất, không làm chủ được hành vi, vi phạm pháp luật, hành xử lệch lạc chuẩn mực đạo đức xã hội, bị xã hội lên án.

Hiện tại, chúng ta vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về ma túy hay chất ma túy.

Theo định nghĩa của tổ chức y tế thế giới năm 1982: “*Ma túy, theo định nghĩa rộng nhất là mọi thực thể hóa học hoặc là những thực thể hỗn hợp, khác với tất cả những cái được đòi hỏi để duy trì một sức khỏe bình thường, việc sử dụng những chất đó sẽ làm biến đổi chức năng sinh học và có thể cả cấu trúc của vật*”[52].

Một số chuyên gia đưa ra những định nghĩa về ma túy như: “*Ma túy là chất tự nhiên hoặc hóa học hợp thành, khi hấp thụ vào con người thì gây nguy hại cho con người.*”

Bên cạnh đó cũng có định nghĩa khác như: “*Ma túy là chỉ thuốc phiện, heroin, morphine, marijuana (đại ma), coocain và những dược phẩm ma túy và dược phẩm tinh thần có thể gây nghiện cho con người.*” [46; tr17].

Ở Việt Nam chất ma túy xuất hiện khá muộn. Cụm từ chất ma túy chính thức quy định lần đầu tiên tại điều 203 BLHS 1985 : “*Tội tổ chức sử dụng ma túy*”, Điều 185i: “*Tội tổ chức sử dụng ma túy*” trong luật sửa đổi bổ sung một số

điều BLHS được Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10-5-1997. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân 1989, Nghị định số 141/HĐBT năm 1991 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự song chưa đưa ra được định nghĩa. Tiếp theo là BLHS 1999 đã quy định chất ma túy, tội phạm ma túy. Theo đó chất ma túy bao gồm: nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao côca, lá hoa, quả cần sa, lá cây cooca, quả thuốc phiện khô, thuốc phiện tươi, heroin, coocain, các chất ma túy khác ở thể lỏng, các chất ma túy khác ở thể rắn. Các chất ma túy khác là những chất ma túy không được nêu trong BLHS mà nằm trong các danh mục được quy định tại nghị định 67/NĐ-CP ngày 1-10-2001 của chính phủ.

Theo Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi năm 2008), tại khoản 1, Điều 2 quy định về chất ma túy: “1. *Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành*”. [34].

Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTCBTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định của Chương XVIII “*Các tội phạm về ma túy*” của BLHS 1999 (gọi tắt là Thông tư 17), mục 1.1 phần I định nghĩa về chất ma túy: “1.1. *Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành*”. [1].

Với quy định nêu trên, cả 2 văn bản đều có định nghĩa giống nhau về chất ma túy, đó là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành. Ngoài ra, các chất ma túy được quy định trong các danh mục do chính phủ Việt Nam ban hành tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP, gồm 235 chất ma túy chia thành 3 danh mục và 41 tiền chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất chất ma túy. Hiện nay Nghị định số 82/2013/NĐ-CP đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất

Từ những phân tích trên cho thấy các nhà làm luật từ những cách tiếp cận khác nhau đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về ma túy. Tuy nhiên học viên đồng tình với quan niệm cho rằng: *“Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi được đưa vào cơ thể con người, nó có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý của người đó. Nếu lạm dụng ma túy, con người sẽ lệ thuộc vào nó, khi đó gây tổn thương nguy hại cho người sử dụng và cộng đồng.”*

1.1.1.3. Khái niệm tội mua bán trái phép chất ma túy

Trước đây, Tại điểm b, mục 3.5 phần I Thông tư 17 hướng dẫn phần *“Truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp có nhiều hành vi phạm tội”* như sau:

“3.5. Trường hợp một người thực hiện một hoặc nhiều hành vi phạm tội quy định trong một điều luật (Điều 194, Điều 195 và Điều 196 của BLHS) thì cần phân biệt như sau: ... b) Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 194 (hoặc Điều 195 hoặc Điều 196) của BLHS mà các hành vi đó có liên quan chặt chẽ với nhau (hành vi phạm tội này là điều kiện để thực hiện hoặc là hệ quả tất yếu của hành vi phạm tội kia), thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với tất cả các hành vi đó được thực hiện theo điều luật tương ứng và chỉ phải chịu một hình phạt” [1]. Như vậy, nếu theo tinh thần hướng dẫn nêu trên thì tội MBTPCMT còn có thể có tên gọi là *“Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy”*. Điều này là không hợp lý, sẽ dẫn đến khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt đối với các hành vi MBTPCMT. Khắc phục hạn chế nêu trên, BLHS 2015 đã tách Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194 BLHS 1999) thành 04 tội độc lập.

Theo TS. Phạm Minh Tuyên có định nghĩa về Tội phạm ma túy như sau: *“Các tội phạm ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện, có lỗi, xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy của nhà nước, từ đó gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội.”* [18; tr.233].

Có thể khẳng định tội phạm ma túy là tội phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội không những gây ra thiệt hại lớn cho lợi ích nhà nước, xã hội, của công dân mà còn làm băng hoại đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng lớn đến giống nòi, gây mất trật tự an toàn xã hội.

Tại mục 3.3 phần II Thông tư 17 hướng dẫn về tội Mua bán trái phép chất ma túy như sau: *“3.3. Mua bán trái phép chất ma túy là một trong các hành vi sau đây: a) Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; b) Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; c) Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; d) Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có); đ) Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác; e) Tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; g) Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác. Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.3 này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy”* [1]. Trong thực tiễn, các cơ quan tố tụng luôn xác định mục đích cuối cùng của tội phạm là gì để định tội danh đối với hành vi phạm tội đó và chỉ ra một tên gọi duy nhất đối với hành vi phạm tội.

Theo quan điểm của Ths. Đinh Văn Quế, hành vi mua bán trái phép chất ma túy là: *“bán hay mua để bán lại; vận chuyển ma túy để bán cho người khác; tàng trữ để bán lại hoặc để sản xuất ra chất ma túy khác để bán lại trái phép; hoặc dùng ma túy để đổi lấy hàng hóa hay dùng hàng hóa để đổi lấy ma túy”*. [24, tr. 92].

Theo giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập 2) của trường Đại học luật Hà Nội thì *“hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi trao đổi trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào”*. [42, tr. 204].

Như vậy, nhìn chung các nhà khoa học và nhà làm luật đều có cùng quan điểm về tội Mua bán trái phép chất ma túy là một trong những hành vi: bán trái phép; mua, xin, vận chuyển, tàng trữ, sản xuất để bán hoặc dùng hàng hóa để trao đổi lấy ma túy hay lấy ma túy để thanh toán hàng hóa. Nói cách khác, tội Mua bán trái phép chất ma túy là hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc nguồn gốc ma túy do đâu mà có) hoặc hành vi trao đổi ma túy như một hàng hóa có giá trị. Bên cạnh đó, các hành vi đồng phạm với hành vi bán ma túy cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Từ đó học viên khái niệm về tội MBTPCMT có thể được hiểu là *những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện, có lỗi, xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy của Nhà nước thực hiện các hành vi: Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có); Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác; Tàng trữ chất ma túy nhằm bán*

trái phép cho người khác; Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác.....

1.1.2. Sự cần thiết của việc quy định tội mua bán trái phép chất ma túy trong luật hình sự Việt Nam

Nghị quyết Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI cũng có nêu rõ tư tưởng chỉ đạo nhất quán là: “*Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng*”. Theo đó, Đảng khẳng định là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, song cũng rất chú trọng đến việc kết hợp với giáo dục tư tưởng, đạo đức truyền thống và nâng cao dân trí cũng như đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của mọi tầng lớp nhân dân. Trong bản Hiến pháp được sửa đổi, bổ sung năm 2013, nội dung quan trọng này cũng đã được khẳng định lại thêm một lần nữa: “*Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ*”. [33]. Truyền thống văn hóa phương Đông nói chung, truyền thống văn hóa của người Việt Nam nói riêng vốn rất trọng đạo lý và tình nghĩa, luôn lấy đạo đức, tình cảm để răn đe, giáo dục và cảm hóa con người. Đây là những giá trị tốt đẹp đã được gìn giữ và duy trì qua nhiều thế hệ người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, phòng chống tệ nạn ma túy và tội phạm MBTPCMT nói riêng, vấn đề đạo lý cũng luôn được đặt ra để giáo dục và nâng cao ý thức chính trị, pháp luật của người dân đối với những tác hại của tệ nạn ma túy và sự nguy hiểm của tội phạm ma túy đối với mỗi người dân, mỗi gia đình, cộng đồng và xã hội. Từ nhận thức đúng đắn đó, người dân cũng sẽ có trách nhiệm hơn và quan tâm hơn đến cuộc đấu tranh chung của toàn xã hội trong nỗ lực ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và phòng chống các loại tội phạm này.

Những hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy không chỉ là hiện tượng nguy hiểm cho xã hội, mà còn là những hành vi vi phạm pháp luật, trái với

các chuẩn mực đạo đức xã hội và đi ngược lại truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam. Hiện tượng nguy hiểm này là có tính phổ biến, có tốc độ lây lan nhanh chóng, tạo ra sự bất ổn trong đời sống xã hội và gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, văn hóa, đạo đức, xã hội, tâm lý, tư tưởng, tình cảm... thậm chí còn có thể làm băng hoại cả một dân tộc. Khi tội phạm MBTPCMT đã trở thành quốc nạn của nhiều quốc gia trên thế giới và là một vấn đề mang tính toàn cầu, thì mọi Nhà nước tiến bộ đều cần phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ hiện tượng nguy hiểm, tiêu cực này.

Để ngăn chặn và phòng chống một cách có hiệu quả đối với hiện tượng nguy hiểm này, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động đấu tranh bằng pháp luật thông qua các nội dung cơ bản là xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật.

Trong hoạt động xây dựng pháp luật, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bao gồm các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; các quy định của pháp luật hành chính và tố tụng hành chính; các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật về phòng chống ma túy... nhằm đấu tranh một cách quyết liệt hơn, hiệu quả hơn đối với tệ nạn ma túy và tội phạm ma túy. Qua đó, pháp luật thể hiện vai trò quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy nói chung, tội phạm MBTPCMT nói riêng: Pháp luật là phương tiện ghi nhận và bảo tồn các giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam; pháp luật là phương tiện để Đảng và Nhà nước ta thể chế hóa đường lối đấu tranh và kiểm tra đường lối đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy và tội phạm ma túy; pháp luật là phương tiện tạo lập môi trường thuận lợi góp phần thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tệ nạn ma túy và tội phạm ma túy nói chung, tội phạm mua bán trái phép chất ma túy nói riêng; pháp luật là phương tiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy; pháp luật là phương tiện có hiệu lực để các cơ

quan chức năng có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội MBTPCMT.

Tóm lại, việc quy định tội MBTPCMT trong Luật hình sự Việt Nam là một đòi hỏi khách quan và có tính tất yếu cả về lý luận và trong thực tiễn của đời sống xã hội. Những quy định này không chỉ phản ánh trung thực các điều kiện kinh tế - xã hội và thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ chính trị ở Việt Nam hiện nay, mà còn thể hiện rõ quan điểm, quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta cũng như nỗ lực của toàn thể dân tộc Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề phức tạp và cấp bách mang tính toàn cầu: Tệ nạn ma túy và tội phạm mua bán ma túy.

1.2. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội mua bán trái phép chất ma túy

1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945

Thời kì đầu xuất hiện những quy chế ở các thôn bản về cấm sử dụng thuốc phiện, song hiệu quả rất thấp. Tình hình trồng cây thuốc phiện và nghiện hút sử dụng thuốc phiện lan tràn khắp nơi. Trước tình hình đó vào năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) Nhà nước phong kiến Việt Nam đã có những quy định “*Cấm trồng cây thuốc phiện*”.

Vào đầu thế kỉ XIX, mặc dù bị cấm gắt gao nhưng do ảnh hưởng của cuộc “*Chiến tranh nha phiến*” giữa Trung Quốc và Anh nên tình trạng nghiện hút ở nước ta tăng mạnh “*Chẳng những dân chúng mà đến cả quan lại, người quyền quý cũng đua nhau hút thuốc phiện.*”

Trước tình hình đó, năm Minh Mạng nguyên niên (1820) . Luật quy định phá bỏ các khu vực trồng cây thuốc phiện, kẻ nào mua bán thuốc phiện thì bị phạt 60 trượng, xử tù 01 năm, tịch thu toàn bộ vật chứng dùng trong buôn bán. Lái buôn nước ngoài buôn bán thuốc phiện bị đánh 100 trượng và tịch thu vật chứng.

Có thể thấy rằng từ khi lên ngôi vua Minh Mạng luôn có những nhận định chính xác về tác hại của thuốc phiện và quyết tâm tiêu diệt tận gốc tệ nạn này.

Ngày 31/8/1858, thực dân Pháp đưa hạm đội vào cảng Đà Nẵng, mở đầu thời kì gần một thế kỉ cai trị nước ta và ban hành hệ thống pháp luật trên toàn cõi

Đông Dương. Thực hiện chính sách ngu dân và vơ vét tiền, tài nguyên ở Đông Dương, nhà cầm quyền Pháp công khai phát triển cây thuốc phiện ở nước ta, thành lập các cửa hàng bán thuốc phiện tự do dưới sự quản lý của “*Công quản nha phiến*”. Ngoài ra thực dân Pháp còn mở cửa thuốc phiện vào Việt Nam, vua Tự Đức đã bỏ lệ cấm hút thuốc phiện do vua Minh Mạng đã ban hành trước đây mà cho đấu thầu, đánh thuế để tăng nguồn thu, hàng năm thu trên 300.000 quan

Đến tháng 6 năm 1873, trước tệ nạn nghiện thuốc phiện, buôn bán thuốc phiện ngày càng tăng. Triều đình lại ban hành trở lại lệnh “*Cấm thuốc nha phiến*”.

1.2.2. Giai đoạn từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự năm 1985

Tội phạm ma túy từ khi xuất hiện đã gây tác hại nhiều mặt cho đời sống xã hội. Do vậy ngay từ khi thành lập Nhà nước ta đã nhận thức được sự nguy hại của ma túy, mặc dù phải đối phó với muôn vàn khó khăn như: giặc đói, giặc dốt, tệ nạn của xã hội cũ, thù trong giặc ngoài.... Nhưng để thiết lập một trật tự xã hội mới, đem lại cuộc sống ổn định cho nhân dân, thì việc đấu tranh chống tệ nạn ma túy là hết sức cần thiết. Ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh số 47/SL tạm thời giữ lại một số luật cũ quy định về các tội phạm ma túy không trái với nội dung chính thể Cộng hòa. Song do điều kiện lịch sử lúc đó cả dân tộc đang dồn sức chống lại thực dân Pháp xâm lược nên việc xóa bỏ cây thuốc phiện và quản lý cây thuốc phiện chưa được thực hiện. Cho tới ngày 5/3/1952 Thủ tướng chính phủ ban hành Nghị định số 150/TTg quy định việc xử lý đối với những hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện. Tiếp theo đó, Thủ tướng ban hành Nghị định số 255/TTg ngày 22/12/1952 quy định những người có hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện bị xử lý. Ngày 15/9/1955 Thủ tướng chính phủ ban hành Nghị định số 580/TTg bổ sung Nghị định số 150/TTg, quy định những trường hợp có thể bị đưa ra Tòa án xét xử. Cùng với nghị định này, theo thẩm quyền Bộ Tư Pháp đã ban hành thông tư số 635/VHH-HS ngày 29/3/1958

và thông tư số 33/VHH-HS ngày 5/7/1958 để thống nhất đường lối xét xử đối với những vụ án buôn lậu thuốc phiện.

Từ năm 1954, sau hiệp định Giơ-Ne-Vơ đất nước chia cắt hai miền Nam, Bắc chính sách pháp luật từ miền khác nhau. Miền Bắc vừa kháng chiến chống Mỹ vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, tình hình buôn bán ma túy, nghiện hút phát triển nhanh và hết sức phức tạp. Tính đến 1975 (sau giải phóng) cả nước có khoảng 150.000 đến 300.000 người nghiện ma túy. Ngày 2/7/1976 quốc hội ban hành nghị quyết về thống nhất pháp luật và xây dựng pháp luật mới, Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết áp dụng nhiều biện pháp để bài trừ tệ nạn nghiện ma túy, do đó chỉ trong vòng 7 năm (đến 1982) con số người nghiện giảm xuống chỉ còn 40.000 người [10; tr. 51]. Ngày 25/3/1977, Hội đồng chính phủ ban hành Nghị định số 76/CP về chống buôn lậu thuốc phiện.

Song Nghị định số 150/TTg và Nghị định số 225/TTg chỉ đề cập đến hành vi Tàng trữ và vận chuyển trái phép mà không đề cập đến xử lý hành vi sản xuất hoặc buôn bán trái phép. Chính vì thế ngày 15/9/1955, Thủ tướng chính phủ ban hành Nghị định số 580/TTg bổ khuyết nghị định 150/TTg quy định những trường hợp có thể bị đưa ra Tòa án xét xử với mức phạt 3 tháng đến 5 năm tù , bị tịch thu tang vật và bị phạt tiền từ một đến năm lần giá trị thuốc phiện buôn lậu.

Thông tư 635/VHH-HS và thông tư 33/VHH-HS của Bộ tư pháp hướng dẫn: Trường hợp buôn lậu thuốc phiện gây tác hại lớn làm cản trở việc thực hiện chính sách và kế hoạch Nhà nước thì có thể áp dụng sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1976 để xử phạt trên 5 năm tù. Đối với bọn cầm đầu những tổ chức buôn lậu ma túy thì có thể bị phạt từ 5 năm đến 10 năm tù. Bọn tay chân chuyên nghiệp phạt từ 03 đến 5 năm tù. Bọn cơ hội phạm tội đã giáo dục nhiều lần mà còn vi phạm phạt từ 1 đến 3 năm tù, trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì vẫn có thể bị phạt 1 năm tù hoặc cho hưởng án treo... Đến năm 1982, Hội đồng nhà nước ban hành pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn bán, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trong đó có ma túy được coi là đối tượng của buôn lậu và mức phạt có thể lên tới tù hình.

Nhận thấy tình hình tội phạm về ma túy có xu hướng diễn biến phức tạp, Đảng và Nhà nước ta đã có thái độ kiên quyết hơn trong đấu tranh phòng chống ma túy, trước hết thể hiện trong BLHS 1985.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Vào những năm 1980, tình hình sản xuất, lưu thông và sử dụng ma túy có chiều hướng gia tăng, đặc biệt là buôn bán ma túy. Trước tình hình này, BLHS đầu tiên được Nhà nước ta thông qua ngày 27/6/1985 đã quy định TNHS đối với các hành vi phạm tội liên quan đến ma túy tại hai điều: Điều 166: “*Tội buôn bán hàng cấm*”; và điều 203: “*Tội tổ chức dùng chất ma túy*”.

Theo BLHS 1985, chỉ có điều 203 quy định riêng về “*tổ chức dùng chất ma túy*”, còn các hành vi sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy chưa được quy định thành tội riêng mà những hành vi mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới thì bị truy cứu theo điều 97: “*Tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” và những hành vi mua bán, vận chuyển trong nội địa thì bị truy tố theo điều 166: “*Tội buôn bán hàng cấm*”. BLHS 1985 góp phần không nhỏ vào đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy. Song quy định chưa cụ thể các tội phạm về ma túy đã làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

Do vậy ngày 28/12/1989 quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua luật sửa đổi bổ sung một số điều BLHS, trong đó tách tội phạm ma túy thành một điều riêng nằm ở Mục B thuộc chương “*Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia*”. Như vậy, đến thời điểm này tội phạm về ma túy được quy định thành hai tội là: “*Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy*” (Điều 96a BLHS) với ba khung hình phạt rất nghiêm khắc, với mức hình phạt cao nhất lên đến tử hình đối với các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; “*Tội tổ chức dùng chất ma túy*” (Điều 203), với mức hình phạt cao nhất là mười năm tù. Nhưng việc quy định các tội phạm về ma túy chỉ với hai điều luật cụ thể là chưa đủ.

Vì vậy, ngày 10/5/1997 tại kì họp thứ 11, Khóa IX, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều BLHS 1985. Lần này các tội phạm về ma túy được quy định thành một chương riêng là chương VII : “*Các tội phạm về ma túy*” trong phần các tội phạm của BLHS gồm 14 điều từ điều 185a đến Điều 185o quy định 13 tội danh. Trong đó “*Tội mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 185đ.

Lần này không chỉ tách các hành vi phạm tội thành các tội độc lập mà chất ma túy được đề cập đến trong điều luật không chỉ đơn thuần là thuốc phiện mà còn phong phú hơn nữa đó là: Cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu thực tiễn giai đoạn này. Mặt khác đã định lượng hóa các chất ma túy làm căn cứ để truy cứu TNHS với những mức phạt nghiêm khắc, cụ thể khối lượng các chất ma túy với bốn khung hình phạt (Điều 96a chỉ có 3 khung hình phạt). Và bổ sung thêm các tình tiết định khung mới như “*phạm tội nhiều lần*”, bổ hình phạt bổ sung là quản chế hoặc cấm cư trú đối với người phạm các tội này.

Ngoài ra để áp dụng thống nhất các quy định của BLHS 1985 về các tội phạm về ma túy trong thời gian từ năm 1990 đến năm 1998 đã có 09 thông tư liên ngành, thông tư lên tịch như: Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT/BNV-VKSNDTC-TSNDTC ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 và thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 05/08/1998 hướng dẫn cụ thể về các hành vi liên quan đến tội phạm này.

Có thể thấy qua nhiều lần sửa đổi bổ sung BLHS 1985 đã hoàn thiện hơn trong kĩ năng lập pháp hình sự, quy định tội phạm về ma túy thành một chương riêng, thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta là xử lý nghiêm khắc tội phạm ma túy. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn chưa hợp lý cần phải nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn áp dụng vì vậy BLHS 1999 ra đời.

1.2.4. *Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015*

Ngày 21/12/1999 Quốc hội nước ta đã thông qua BLHS 1999 tội phạm MBTPCMT được quy định tại Điều 194 với tên gọi là Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Trong Bộ luật này, hành vi mua bán ma túy được quy định tại điều 194 với tên gọi “*Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*”. BLHS năm 1999 đã gộp 4 tội danh độc lập được quy định tại 4 điều luật khác nhau trong BLHS năm 1985 thành một tội danh chung. 4 tội danh độc lập đó là: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 185 c); tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 185 d); tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 185 đ) và tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 185 e). Trong BLHS năm 1999, cả bốn loại hành vi này đều được quy định chung tại một điều luật với tội danh: Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194). Trong mua bán có tàng trữ, vận chuyển, trước khi tàng trữ có hành vi mua bán và tàng trữ để mua bán, vận chuyển là để mua bán, tàng trữ. Vậy nên khó tách riêng biệt được các hành vi nên Điều 194 được hình thành. Việc nhập 04 tội danh thành 01 tội có ý nghĩa làm cho BLHS chặt chẽ hơn về mặt khoa học, dễ hiểu và dễ áp dụng và ý nghĩa quan trọng là đã giảm được 03 tội có mức án tử hình quy định trong BLHS, đảm bảo tính nhân đạo.

Tại kì họp thứ 8, Quốc hội khóa X đã thông qua Luật phòng, chống ma túy, có hiệu lực ngày 01/06/2001. Là đạo luật đầu tiên về phòng chống ma túy, làm cơ sở pháp lý để đấu tranh với tệ nạn ma túy.

Ngày 24/12/2007 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng một số quy định tại chương XVIII “*Các tội phạm về ma túy*” của BLHS 1999. Và ngày 14/11/2015 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC sửa đổi bổ sung một số điểm của thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các điều 194 nói riêng và Chương XVIII “*Các tội phạm về ma túy*” nói chung của BLHS 1999. Đây là văn bản hướng dẫn cụ thể một các chi tiết và toàn diện các quy định về tội phạm ma túy góp phần tháo gỡ

nhiều vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án ma túy. Tuy nhiên mức độ nguy hiểm của các tội phạm nói chung và tội phạm mua bán trái phép ma túy nói riêng qua thời gian đã có nhiều thay đổi khiến các nhà làm luật cần phải xây dựng BLHS mới để đáp ứng sự phù hợp với từng thời kì. Chính vì thế BLHS 2015 ra đời.

1.2.5. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 đến nay.

Ngày 27/11/2015, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII biểu quyết thông qua Bộ luật hình sự 2015. Tuy sau khi được đăng công báo, đến ngày 11/1/2016, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đã có công văn gửi Phòng Công báo (Văn phòng Chính phủ) đề nghị thay thế 4 trang tài liệu liên quan đến 6 điều luật ở Phần Chung và 4 điều luật ở Phần Các tội phạm. Lý do được nêu là do sơ suất về mặt kỹ thuật nên Bộ luật gửi đến phòng Công báo trước đó có sai sót. Sau đó, vẫn còn những sai sót khác được phát hiện, thực tế những nhà nghiên cứu pháp luật đã chỉ ra hơn chín mươi lỗi trong đó có những lỗi nghiêm trọng dẫn đến không thể thi hành BLHS 2015. Trong những Điều luật của BLHS 2015 có sai sót, tội MBTPCMT được quy định tại Điều 251 cũng là Điều luật có nhiều sai sót nghiêm trọng nhất:

Ngày 20/6/2017, Quốc hội đã biểu quyết thông qua dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13, với 439/455 đại biểu Quốc hội tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 89,41% tổng số đại biểu Quốc hội và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Như vậy, đây là điều đặc biệt kỳ lạ và chưa từng có không chỉ trong lịch sử lập pháp của Việt Nam mà trên toàn thế giới khi một đạo luật quan trọng như Bộ luật hình sự vừa được thông qua, chưa có hiệu lực thi hành đã phải hoãn thi hành và sửa đổi.

Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội mua bán trái phép chất ma túy có nhiều điểm mới quan trọng so với Điều 194 BLHS 1999. Các điểm mới có thể kể đến như:

Thứ nhất: Điểm mới đáng chú ý đầu tiên của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) so với BLHS 1999 là đã tách tội ghép quy định tại Điều 194

BLHS 1999 về Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thành 4 tội riêng biệt đó là:

- Tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 249;
- Tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 250;
- Tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 251;
- Tội “*Chiếm đoạt chất ma túy*” được quy định tại Điều 252.

Thực tế, quá trình điều tra, xét xử cho thấy việc gộp chung các tội danh trong cùng một điều luật gặp không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, trong việc xác định tội danh và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Thứ hai: Về định lượng các chất ma túy BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định cụ thể, rõ ràng mức tối thiểu đến mức tối đa định lượng các chất ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự trong từng điều luật.

Thứ ba: BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định thêm một số chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy đã được Chính phủ quy định vào Điều luật cụ thể như chất ma túy Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11.

Thứ tư: BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có sự thay đổi về đơn vị tính từ “*trọng lượng*” thành “*khối lượng*” trong các điều luật để đảm bảo tính chính xác của đơn vị tính.

Thứ năm: Bổ sung hành vi “*c) Đối với 02 người trở lên;*” là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tiểu kết chương

Trên cơ sở nghiên cứu, các tài liệu nghiên cứu về ma túy, các văn bản pháp luật về ma túy và điều 251 BLHS năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017), học viên đưa ra quan điểm của mình về khái niệm “*ma túy*”, “*tội phạm về ma túy*” và “*tội mua bán trái phép chất ma túy*”. Đồng thời, học viên đã khái quát

lịch sử lập pháp đối với tội mua bán trái phép chất ma túy để từ đó có một cách nhìn toàn diện về chính sách hình sự của nước ta về loại tội này. Việc nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản, chung nhất của tội mua bán trái phép chất ma túy là cơ sở, là tiền đề để chúng ta tiến đến nghiên cứu quy định của pháp luật hiện hành là BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và phân tích thực tiễn xét xử loại tội này trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 05 năm từ (2013 – 2017).

Chương 2

TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

2.1. Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định của BLHS 2015

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự

Để nhận thức bản chất pháp lý của tội MBTPCMT, cần đi nghiên cứu các dấu hiệu của CTTP tội mua bán trái phép chất ma túy được phân thành 04 yếu tố: Khách thể, chủ thể, mặt khách quan, mặt chủ quan của tội phạm.

2.1.1.1. Khách thể của tội mua bán trái phép chất ma túy.

Khách thể của tội phạm là yếu tố không thể tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự.[4; tr.137].

Khách thể của tội phạm: Tội MBTPCMT tại Điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khách thể trực tiếp là chế độ độc quyền và thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Việc Nhà nước độc quyền và thống nhất quản lý các chất ma túy là dễ hiểu bởi các tác hại, độ nguy hiểm của nó cho xã hội là rất lớn. Nếu sử dụng chất ma túy vào mục đích tốt như: khoa học, công nghiệp, y tế... thì nó lại trở thành hữu ích, có lợi cho con người. Ngược lại, nếu sử dụng các chất ma túy vào mục đích xấu, như: nhằm thỏa mãn cơn nghiện, những vui thú sa đọa... thì nó lại trở thành vật nguy hại cho xã hội, là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm, thậm trí nó còn hủy hoại cả nhiều thế hệ con người, hủy hoại tương lai của đất nước. Điều 15 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm: “*Nghiên cứu, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, bảo quản, phân phối, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần*”[34]. Chỉ những cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm, vụ, quyền hạn của mình thực hiện các hoạt

động liên quan đến ma túy. Ngoài những chủ thể được phép thì những chủ thể khác thực hiện hành vi hoạt động liên quan đến chất ma túy đều là vi phạm pháp luật. Chính vì vậy, để kiểm soát được các chất ma túy này, không một chủ thể nào có điều kiện, có phương tiện, có nhân lực hơn Nhà nước, bởi Nhà nước là chủ thể duy nhất có đầy đủ hệ thống các cơ quan quản lý toàn diện từ cấp cơ sở đến cấp trung ương và quản lý mọi mặt trong lĩnh vực đời sống xã hội.

“Đối tượng tác động của tội phạm này là các chất ma túy và các nguyên liệu thực vật có chứa chất ma túy”[48; tr18]; các chất ma túy (là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành). Còn các loại tiền chất ma túy thì không phải là đối tượng của tội Mua bán trái phép chất ma túy, nó chỉ là đối tượng của tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 253 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cần lưu ý và phân biệt rõ về đối tượng tác động của tội phạm trong trường hợp này.

2.1.1.2. Mặt khách quan của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy

Mặt khách quan của tội phạm MBTPCMT là hành vi cụ thể như sau:

Mặt khách quan là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các dấu hiệu biểu hiện sự thực hiện hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi như: công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội.[4; tr.145].

Là hành vi trao đổi trái phép chất ma túy dưới bất kì hình thức nào như mua để bán lại, vận chuyển ma túy để bán cho người khác, tàng trữ ma túy để bán dần, dùng ma túy để đổi lấy hàng hóa hoặc dùng hàng hóa để đổi lấy ma túy, xin chất ma túy rồi mang bán lại cho người khác. Quy định tại tiểu mục 3.3, Mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*:

“3.3. “Mua bán trái phép chất ma túy” là một trong các hành vi sau đây:

a) Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác;

b) Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

c) Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

d) Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có);

đ) Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác;

e) Tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

g) Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác.

Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.3 Thông tư 17 đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy.”[1].

Như vậy, theo hướng dẫn nêu trên, hành vi khách quan của tội Mua bán trái phép chất ma túy có 3 nhóm hành vi chính, đó là:

- Thứ nhất: Nhóm hành vi “Bán” trái phép chất ma túy (gồm các điểm a, b, c, e, g mục 3.3, phần II, Thông tư 17): Hành vi này có thể là mua, xin, trộm cắp, cướp giật, chiếm đoạt, nhặt được nhưng đều nhằm mục đích để bán. Tóm lại, không cần xét đến nguồn gốc ma túy do đâu mà có, chỉ cần có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác là đã cấu thành tội này. Kể cả hành vi bán hộ ma túy thì cũng thuộc nhóm hành vi “bán” trái phép chất ma túy.

- Thứ hai: Nhóm hành vi “Trao đổi” trái phép chất ma túy (gồm các điểm d, đ mục 3.3): Việc trao đổi chất ma túy này có thể là đổi ma túy để lấy tài sản của người nhận ma túy (việc trao đổi có thể ngang giá hoặc không ngang giá),

hoặc có thể là dùng ma túy để thanh toán khoản nợ, trừ nợ. Trường hợp này cũng không cần xét đến nguồn gốc ma túy.

- Thứ ba: Nhóm hành vi “*Hỗ trợ*” việc bán, trao đổi trái phép chất ma túy (phần cuối mục 3.3). Đây là các hành vi tổ chức, xúi giục, giúp sức cho hành vi bán, trao đổi chất ma túy - gọi chung là trường hợp đồng phạm với hành vi bán, trao đổi ma túy. Điểm cần lưu ý trong dấu hiệu khách quan của tội Mua bán trái phép chất ma túy là: Tất cả các hành vi bán, trao đổi chất ma túy nêu trên, phải có tính “*trái phép*”. Tính “*trái phép*” ở đây là trái với pháp luật, trái với những quy định do Nhà nước ban hành. Bởi ma túy cũng là chất hóa học được áp dụng trong khoa học, nghiên cứu và y học, nên một số các cơ quan có thẩm quyền được phép mua bán phục vụ công tác chuyên môn (Ví dụ: Các Tổng công ty dược phẩm Trung ương được mua chất ma túy về để sản xuất thành thuốc tân dược; Hay Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an được mua chất ma túy về để làm thí nghiệm...). Việc mua bán chất ma túy của các cơ quan có thẩm quyền này tuy hành vi cũng giống với hành vi khách quan của tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng lại là hành vi hợp pháp, nên không phải là hành vi của tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đây cũng là điểm khác giữa tội MBTPCMT với Tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 249; với Tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 250; và với Tội “*Chiếm đoạt chất ma túy*” được quy định tại Điều 252.

2.1.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy.

Trong mặt chủ quan của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, lỗi là yếu tố quan trọng trong việc xác định tội phạm và trách nhiệm hình sự.

Lỗi của người phạm tội: Các hành vi phạm tội trong tội mua bán trái phép chất ma túy tại Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được thể hiện do lỗi cố ý trực tiếp tức là nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, tuy thấy trước được tác hại của hành vi mua bán trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội, có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn xử sự khác, phù hợp

với đòi hỏi của xã hội nhưng họ vẫn thực hiện và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Đối tội mua bán trái phép chất ma túy này không có trường hợp nào phạm tội do cố ý gián tiếp.

Trong dấu hiệu chủ quan của loại tội Mua bán trái phép chất ma túy, mục đích phạm tội tuy không phải là dấu hiệu bắt buộc, nhưng lại là dấu hiệu quyết định đến việc định tội danh. Trên thực tế, các nhà làm luật cũng dựa trên cơ sở dấu hiệu “*mục đích*” của người phạm tội để xây dựng văn bản hướng dẫn giải quyết tội Mua bán trái phép chất ma túy này (Thông tư 17). Đây là một quy định rất khoa học, hợp lý, giải quyết được sự bế tắc trong thực tiễn và đã được kiểm nghiệm tính hợp lý của nó qua việc giải quyết hàng nghìn vụ án mua bán trái phép chất ma túy của các cơ quan tố tụng. Ví dụ: Cùng là một hành vi mua ma túy về, nhưng nếu mục đích của người mua là để sử dụng thì hành vi đó sẽ cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (nếu đủ khối lượng quy định); Còn nếu mục đích là để bán thì hành vi đó sẽ cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy... Ngoài ra, trong dấu hiệu chủ quan của tội Mua bán trái phép chất ma túy, cần lưu ý vấn đề sau:

Trong trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng bằng cách nào đó khiến người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này. Cụ thể:

- Nếu đối tượng biết là ma túy giả, nhưng vẫn cố tình mang đi bán để kiếm lời thì không khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy mà khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy cho thấy, không phải hành vi mua bán “*ma túy*” nào cũng bị xử lý về tội Mua bán trái phép chất ma túy mà còn tùy thuộc vào kết quả giám định xem chất đó có phải là ma túy không và phụ thuộc ý thức chủ quan của người

thực hiện hành vi đó như thế nào, lúc đó mới quyết định được tội danh của người phạm tội. Nói cách khác, khi gặp trường hợp giám định chất không phải là ma túy, thì ý thức chủ quan của người phạm tội sẽ là vấn đề quyết định đến tội danh của người đó là tội gì.

2.1.1.4. Chủ thể của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy

Theo luật hình sự Việt Nam hiện hành thì *“chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã cố ý hoặc vô ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự quy định là tội phạm trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định do luật quy định và trong một số trường hợp khác có dấu hiệu đặc biệt được chỉ ra trong điều luật tương ứng”*. [48, tr.180].

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai đạt độ tuổi theo luật định, có năng lực TNHS. Tại khoản 1, Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đều quy định mức hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù là thuộc loại tội nghiêm trọng.

Theo quy định tại điều 12 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này.”[30].Thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu TNHS về các hành vi phạm tội khoản 1 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng phải chịu TNHS về các hành vi phạm tội theo các khung tăng nặng từ khoản 2 trở lên quy định tại các điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).Trừ trường hợp *“phạm tội nhiều lần”* điểm b khoản 2 Điều 194 tương ứng với điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo hướng dẫn tại mục 10 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS quy định: *“Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến*

dưới 16 tuổi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ hai lần trở lên, nếu tổng trọng lượng chất ma túy của các lần cộng lại dưới mức tối thiểu hoặc không xác định được tổng trọng lượng chất ma túy của tất cả các lần đó đến mức tối thiểu quy định tại điểm g, h, i, k, l, m, n hoặc o khoản 2 Điều 194 BLHS thì họ không phải chịu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy.[40].

Về năng lực trách nhiệm hình sự:

Người có năng lực TNHS là người từ đủ tuổi chịu TNHS và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 21 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự”. [30].

Như vậy về chủ thể của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy của BLHS 2015 là người có năng lực trách nhiệm hình sự từ 16 tuổi trở lên phạm vào Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ 14 tuổi trở lên phạm vào khoản 2,3,4 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), (trừ trường hợp điểm b Khoản 2 Điều 194 tương ứng điểm b Khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo hướng dẫn tại mục 10 Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS)

2.1.2. Hình phạt

Theo quy định tại Điều 30 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) : “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội ”[30]. Hình phạt của tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định 4 khung hình phạt, bao gồm khung cơ bản và khung tăng nặng. Hình phạt này được cụ thể như sau:

- *Khung cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 251 (sửa đổi bổ sung 2017).*Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

- *Khung tăng nặng thứ nhất quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- + Có tổ chức;
- + Phạm tội 02 lần trở lên;
- + Đối với 02 người trở lên;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- + Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;
- + Qua biên giới;
- + Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- + Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- + Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- + Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- + Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- + Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- + Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
- + Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- + Tái phạm nguy hiểm.

- *Khung tăng nặng thứ hai quy định tại khoản 3 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- + Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

- + Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

- + Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

- + Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

- + Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

- + Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

- + Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

- + Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều 251 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Khung tăng nặng thứ ba quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- + Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

- + Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

+ Lá cây côca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

+ Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

+ Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

+ Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

+ Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;

+ Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài các hình phạt chính, tùy từng trường hợp, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

2.2. Thực tiễn xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

2.2.1. Khái quát chung về tỉnh Bắc Ninh

Trong các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, Bắc Ninh nằm trong đồng bằng châu thổ sông Hồng, liền kề với thủ đô Hà Nội, có mức tăng trưởng kinh tế cao, giao lưu kinh tế mạnh. Bắc Ninh có tổng diện tích 823,1 km², gồm 1 thành phố và 7 huyện, thị xã: Năm 2016 Bắc Ninh có 1.153.600 người với mật độ dân số 1250 người/km². Với những đặc điểm đó, xét tầm không gian lãnh thổ vĩ mô, Bắc Ninh có nhiều thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những đặc điểm về điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội trên của tỉnh Bắc Ninh đã tác động lớn tới chất lượng giải quyết các vụ án nói chung và vụ án hình sự về mua bán ma túy nói riêng của Tòa án nhân dân ở tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, kinh tế phát triển làm cho tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, các tội

phạm ma túy có tính chất ngày càng phức tạp, với số lượng mua bán lớn, thủ đoạn tinh vi sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng nếu bị phát hiện.

2.2.2. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Đến nay, hệ thống tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân ở tỉnh Bắc Ninh gồm hai cấp: Có 08 đơn vị Tòa án cấp huyện (trong đó có 6 Tòa án nhân dân huyện, 01 Tòa án nhân dân thị xã và 01 Tòa án nhân dân thành phố) và Tòa án nhân dân tỉnh (trong đó có Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa hành chính, Phòng giám đốc kiểm tra, Phòng tổ chức cán bộ và Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh).

TAND tỉnh Bắc Ninh hiện nay có tổng số 50 biên chế, trong đó có:

12 Thẩm phán trung cấp;

06 Thẩm tra viên

27 Thư ký.

05 Chuyên viên.

Ngoài ra TAND tỉnh Bắc Ninh còn có 24 Hội thẩm nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử theo quy định của pháp luật.

Từ số liệu trên cho thấy, đội ngũ cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có đủ trình độ, khả năng và kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần cải cách tư pháp.

2.2.3. Thực tiễn xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

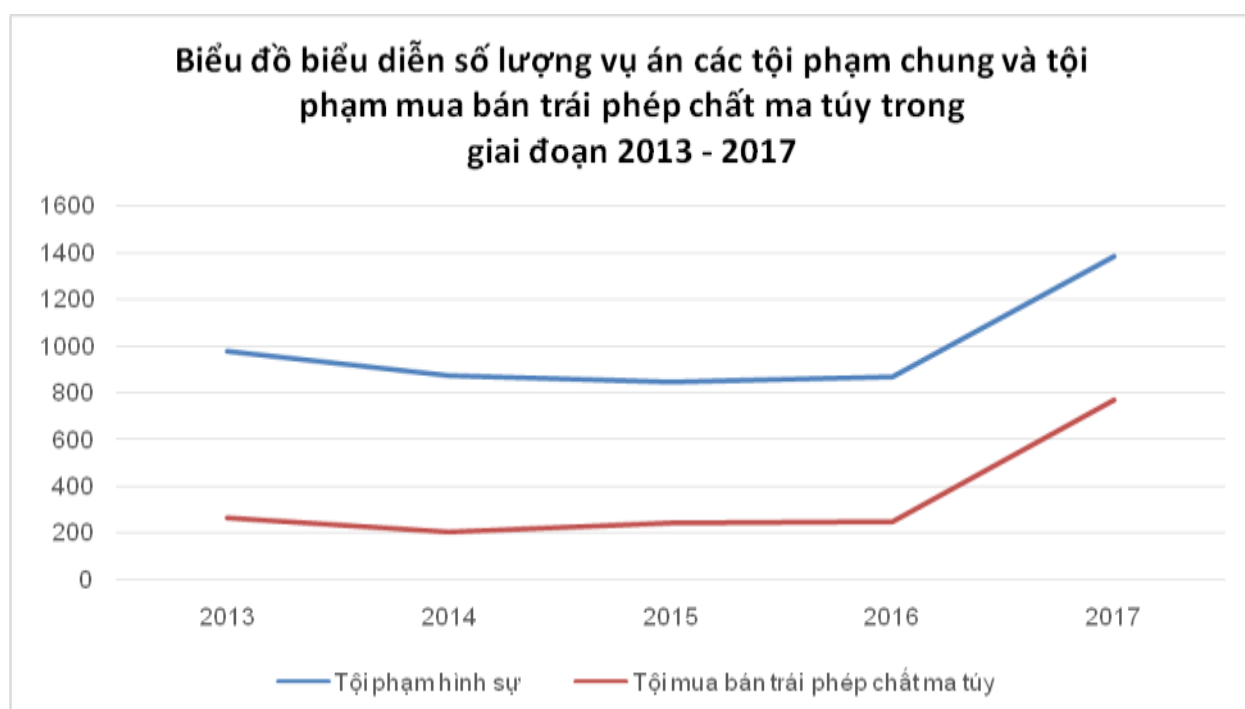
2.2.3.1. Đánh giá, phân tích tình hình xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2013-2017

** Kết quả đạt được:*

Theo số liệu thống kê được từ Văn phòng TAND tỉnh Bắc Ninh trong 05 năm giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/12/2017. TAND tỉnh Bắc Ninh đã đưa ra xét xử 4949 vụ án, đối với 9898 bị cáo trong đó tội mua bán trái phép chất ma túy là 1720 vụ án đối với 1970 bị cáo. Cụ thể:

Bảng 2.1: So sánh tình hình tội phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy với tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ năm 2013 – 2017

Năm	Tội phạm hình sự		Tội mua bán trái phép chất ma túy		Tỷ lệ %	
	Số án vụ	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số án vụ	Số bị cáo
2013	976	2114	261	302	26,74	14,29
2014	876	2177	202	266	23,06	12,22
2015	846	1681	239	274	28,25	16,30
2016	866	1668	248	288	28,64	17,27
2017	1385	2258	770	840	55,60	37,20
Tổng số	4949	9898	1720	1970	34,75	19,90



Tội phạm mua bán trái phép chất ma túy là tội phạm chiếm số lượng lớn trong số các vụ án hình sự được TAND tỉnh Bắc Ninh xét xử. Trong giai đoạn 2013 đến 2017 tội phạm mua bán trái phép chất ma túy có chiều hướng gia tăng

đỉnh điểm là năm 2017, TAND tỉnh Bắc Ninh đã xét xử 770 vụ án, với 840 bị cáo chiếm 55,6% các vụ án hình sự. Đây là con số cực kỳ lớn tăng đột biến trong năm 2017 cho thấy diễn biến phức tạp khó dự đoán của loại tội phạm này.

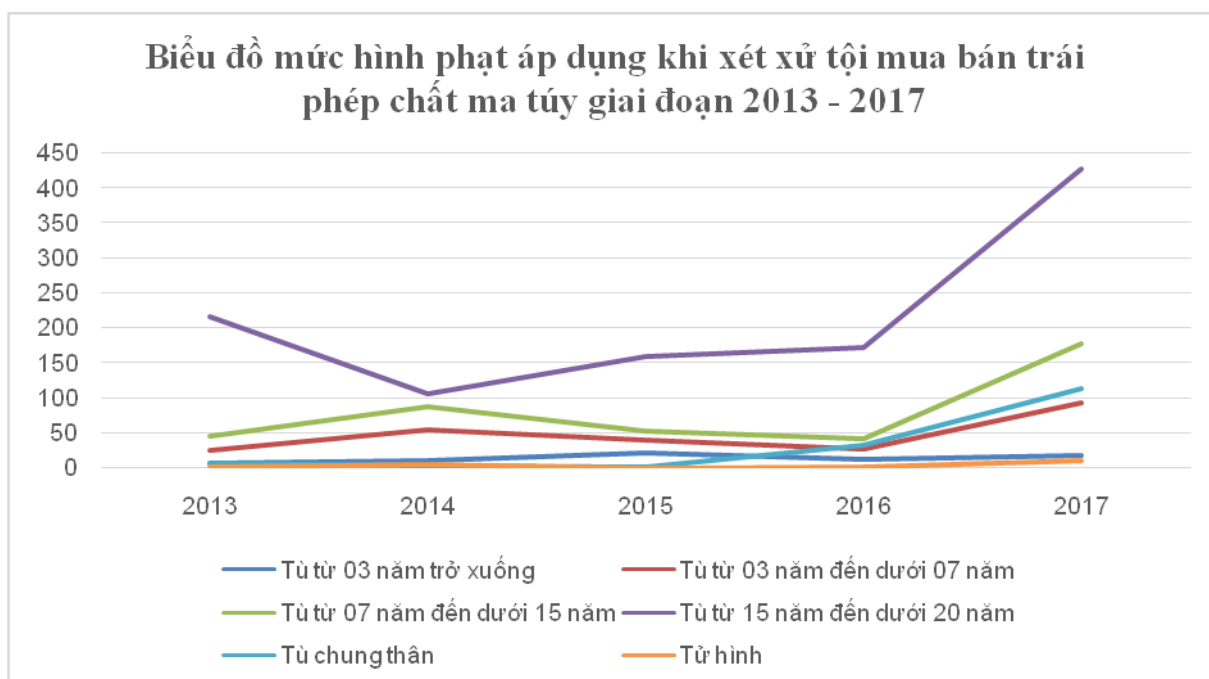
Bảng 2.2: Bảng biểu diễn mức hình phạt áp dụng khi xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị tính : bị cáo

Năm	Tù từ 03 năm trở xuống	Tù từ 03 năm đến dưới 07 năm	Tù từ 07 năm đến dưới 15 năm	Tù từ 15 năm đến dưới 20 năm	Tù chung thân	Tử hình
2013	7	25	45	217	7	1
2014	11	55	87	106	2	5
2015	22	39	52	160	1	0
2016	13	27	41	173	32	2
2017	18	93	177	428	113	11
Tổng	71	239	402	1084	155	19

Tội phạm mua bán trái phép chất ma túy là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với mức khung hình phạt cao nhất có thể áp dụng là tử hình. Từ bảng số liệu nêu trên có thể mức hình phạt đối với loại tội phạm nguy hiểm này là rất cao phổ biến ở mức tù 15 năm – 20 năm chiếm tỉ lệ lớn với 55%. Đây cũng là loại tội phạm mà các bị cáo bị áp dụng mức án tử hình chiếm số lượng bị cáo lớn so với các loại tội khác, tính từ năm 2013 – 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên tử hình 19 bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Biểu đồ mức hình phạt áp dụng khi xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy giai đoạn 2013 - 2017



**Bảng 2.3. Đặc điểm nhân thân của các bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy
được thể hiện thông qua bảng dưới đây:**

Năm	Giới tính		Độ tuổi				Nghề nghiệp					Trình độ học vấn				
	Nam	Nữ	Dưới 18 tuổi	Từ 18 - 30 tuổi	Từ 30 - 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Không nghề	Làm ruộng	Nghề tự do	Sinh viên	Cán bộ, công chức	Không biết chữ	Tiểu học	THCS	THPT	Trên THPT
2013	237	65	17	47	149	89	117	92	77	16	0	175	38	39	17	33
2014	209	57	22	110	89	45	88	71	101	6	0	89	92	31	10	45
2015	243	31	9	65	139	61	135	43	96	0	0	118	27	7	88	34
2016	264	24	21	77	116	74	96	77	98	1	16	77	59	82	31	39
2017	687	153	77	213	423	127	415	217	179	29	0	293	84	77	168	218

** Về giới tính:*

Theo số liệu, kết quả xét xử của TAND tỉnh Bắc Ninh cho thấy: Từ năm 2013 đến năm 2017, mỗi năm có khoảng trung bình 394 bị cáo bị đưa ra xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy thì có khoảng trung bình 66 bị cáo là nữ giới, còn lại đều là nam giới, tỷ lệ nữ giới phạm tội về loại tội này không nhiều (chiếm khoảng 16,75% so với nam giới) song thủ đoạn và cách thức hoạt động rất tinh vi.

** Về độ tuổi:*

Số người ở độ tuổi dưới 18 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy là không nhiều, chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (chiếm khoảng 0,74% so với các độ tuổi khác).

Độ tuổi từ 30 – 50 tuổi lại là độ tuổi phạm tội mua bán tàng trữ trái phép ma túy nhiều nhất (chiếm 46,50% so với các độ tuổi khác);

** Về Nghề nghiệp:*

Nghề nghiệp chủ yếu đối với loại tội phạm này chủ yếu rơi vào các đối tượng không nghề nghiệp (chiếm 43,20% so với các loại nghề khác) và các đối tượng làm nghề lao động tự do (nay nghề này, mai nghề khác không có nghề nghiệp ổn định) (chiếm tỉ lệ 27,97% so với các nghề khác).

** Về trình độ học vấn:*

Số lượng chiếm đại đa số về trình độ học vấn của những người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy thường là những người không biết chữ (không được học hành) dẫn đến trình độ nhận thức có phần hạn chế, không am hiểu quy định của pháp luật cấm đoán với mọi hành vi phạm tội về ma túy dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội về ma túy nói chung và tội phạm mua bán các chất ma túy nói riêng.

2.2.3.2. Những hạn chế , vướng mắc trong thực tiễn xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong những năm qua công tác xét xử tội phạm mua bán trái phép chất ma túy của TAND tỉnh Bắc Ninh vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

** Về định tội danh:* Thực tiễn xét xử đã nêu lên, tội phạm về ma túy nói chung và tội phạm mua bán trái phép chất ma túy nói riêng thường mang tính truy

xét. Các cơ quan tiến hành tố tụng, chủ yếu dựa trên lời khai của người phạm tội để điều tra, truy tố, hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, rất nhiều vụ án các đối tượng là những người đã từng nhiều lần bị xét xử về tội liên quan đến ma túy nên có rất nhiều “*kinh nghiệm*” đối phó với cơ quan tiến hành tố tụng. Điển hình vụ án sau đây, dẫn đến việc truy tố không chính xác tội danh của bị cáo. Điển hình như vụ án:

Khoảng 14h45p ngày 27/3/2017, tại đường 1A cũ thuộc xóm 5, khu Xuân Ổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) – Công an tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang Lê Đắc Tuấn đang thực hiện hành vi chuẩn bị bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ được gồm có: 01 túi nilon màu đen bên trong đựng 03 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và 10 (mười) túi nilon màu xanh bên trong có chứa các viên nén hình tròn màu xanh và đỏ đen; 01 điện thoại Samsung màu vàng, 01 xe máy màu trắng, nhãn hiệu AIRBLADE có BKS: 99L5 - 4843.

Tại Kết luận giám định số 492/KLGD ngày 27/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: - Chất bột màu trắng bên trong ba túi nilon màu trắng gửi giám định có trọng lượng 71,5800 gam; là ma túy; Loại ma túy: Chất Hêroin

- Các viên nén hình tròn màu xanh và viên nén hình tròn màu đỏ bên trong 10 túi nilon màu xanh gửi giám định có trọng lượng 141,2600 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Chất Methamphetamine.

Căn cứ vào lời khai của Lê Đắc Tuấn số ma túy trên là của Ngô Văn Huệ nhờ bị cáo mang giao cho người thanh niên đang đợi mua ma túy ở ngoài đường, Cơ quan cảnh sát điều tra (PC47) Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nhà Ngô Văn Huệ sinh năm 1962 tại khu Dương Ổ, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và thu giữ tại phòng uống nước trên gác 2 nhà Huệ gồm có:

- 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các chất tinh thể màu trắng tại góc nền nhà uống nước (được cho vào hộp niêm phong, ký hiệu hộp số 1)

Thu trên mặt đôn ở góc phòng:

- 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa các viên nén hình tròn màu hồng (được cho vào phong bì niêm phong theo đúng quy định).

- 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được cho vào hộp giấy niêm phong, ký hiệu hộp số 2)

- 01 gói được bọc ngoài bằng túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (được cho vào hộp giấy niêm phong, ký hiệu hộp số 3)

- 01 cân điện tử.

Tại Bản kết luận giám định số 493/KLGD – PC 54 ngày 27/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- Các viên nén hình tròn màu hồng bên trong phong bì thư có trọng lượng 8,7562 gam; là ma túy: Loại ma túy: Chất Methamphetamine.

- Chất tinh thể màu trắng trong hộp số 1 có trọng lượng 202,2640 gam; Là ma túy: Loại ma túy: Chất Methamphetamine.

- Chất tinh thể màu trắng ở hộp số 2 có trọng lượng 154,5510 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Chất Ketamine.

- Chất tinh thể màu trắng bên trong hộp số 3 có trọng lượng 66,3250 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Chất Ketamine.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Huệ không thừa nhận việc giao ma túy nhờ Tuấn đi bán hộ mà chỉ thừa nhận số ma túy thu tại nhà Huệ trên ghế đôn là của Huệ, còn gói ma túy thu ở góc phòng của ai Huệ không biết.

Với những tình tiết như trên, tại bản cáo trạng số 118/CT-VKS-P1 ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Ngô Văn Huệ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS. Còn Lê Đắc Tuấn bị truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đắc Tuấn không thừa nhận lời khai tại Cơ quan điều tra mà chỉ khai nhận:

Vào hồi 14h ngày 27/3/2017, bị cáo đi một mình đến nhà Ngô Văn Huệ chơi vì giữa bị cáo và Huệ có quen biết nhau. Khi tới nhà Huệ thì thấy Huệ đang ngồi chơi cùng mấy người mà bị cáo không quen biết. Khi gặp bị cáo, thì Huệ có

đưa cho bị cáo một túi nilon màu đen bên trong và bảo bị cáo ra ngoài đường QL 1A cũ thuộc xóm 5, khu Xuân Ổ A, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh để giao cho một người đi xe mô tô màu xanh đang đứng đợi ở đó, bị cáo đồng ý và đã đi xe máy của vợ Huệ là chị Hương xe có BKS: 99F5 – 4843 ra QL 1A để giao chiếc túi màu đen theo yêu cầu của Huệ, nhưng chưa kịp gặp người thanh niên như Huệ bảo thì bị Công an bắt và lúc đó bị cáo mới biết trong chiếc túi đó có chứa ma túy. Bị cáo cho rằng bản thân không biết trong túi là có ma túy và cũng chưa hề có hành vi giao dịch gì nên cho rằng mình không phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận, việc bị cáo khai ma túy đó là do Huệ đưa, nhưng ngoài lời khai của bị cáo ra thì không có chứng cứ nào khác, nếu bị cáo Huệ không thừa nhận thì bị cáo cũng phải chịu vì khi bị bắt thì chính bị cáo là người đang quản lý số ma túy trên. Bị cáo cũng thừa nhận bị cáo đã nghiện hút ma túy từ nhiều năm.

Bị cáo Ngô Văn Huệ bác bỏ toàn bộ lời khai tại Cơ quan điều tra và cho rằng lời khai tại Cơ quan điều tra là do bị cáo sử dụng ma túy nên không minh mẫn, tại phiên tòa bị cáo khai:

Chiều ngày 27/3/2017 vào khoảng 14h, bị cáo đang ở nhà thì có hai thanh niên lạ mặt đến hỏi bị cáo và có một người xưng tên là Thủy nói với bị cáo có ma túy tổng hợp mời bị cáo thử nếu được thì mua cho họ, bị cáo đã đồng ý và mời hai người thanh niên đó lên phòng tầng hai nhà bị cáo uống nước, một lúc sau thì có Tuấn đến chơi và Tuấn có mượn xe máy của vợ bị cáo đi đâu bị cáo không biết. Bị cáo không hề đưa ma túy nhờ Tuấn đi giao hộ, việc Tuấn khai ma túy là do bị cáo đưa cho Tuấn để đi giao cho một thanh niên ở tại Quốc lộ 1A gần xóm 5 khu Xuân Ổ là không đúng sự thật.

Trong lúc bị cáo và hai người lạ mặt ngồi uống nước trên tầng hai thì người thanh niên tự xưng tên là Thủy đã bỏ hai gói ni lon lên đôn ghế và lấy một viên ma túy ra cho bị cáo thử, sau khi thử xong thì Thủy lại bỏ ra một viên ma túy màu hồng khác cho bị cáo thử. Bị cáo thừa nhận, nếu ma túy bị cáo thử có chất lượng thì bị cáo sẽ mua để sử dụng dần. Khi đang thử ma túy, thì có đối tượng tên Tuấn ở Bắc Giang điện thoại cho bị cáo nói đang ở cổng nhà bị cáo, bị

cáo xuống và đón Tuấn lên phòng, khi đó Tuấn có xách theo một túi nilon bị cáo không biết đó là gì. Tới khoảng 15h30 thì Công an tới và bắt bị cáo đồng thời khám xét và thu giữ toàn bộ số ma túy như Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận số ma túy trên là của bị cáo mà cho rằng số ma túy trên là của đối tượng tên Thủy và của Tuấn ở Bắc Giang mang đến, bị cáo cũng chưa giao dịch mua bán nên việc Cáo trạng truy tố bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là không đúng, còn chiếc cân tiểu li là do bị cáo nhặt được ở ngoài đường mang về cất đã hỏng nên không sử dụng để làm gì. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đề nghị làm rõ tại sao khi bắt bị cáo còn có hai người nữa và thu một hộp xốp có nhiều chai lọ đựng hóa chất lại không thấy, bị cáo cũng không biết hai thanh niên mà bị cáo nói cùng bị bắt là ai và ở đâu tên là gì, đối tượng tên Tuấn bị cáo chỉ biết ở Bắc Giang còn cụ thể ở đâu bị cáo không biết.

Bị cáo cũng khẳng định, phòng uống nước ở tầng 2 là của riêng bị cáo giữ chìa khóa và sử dụng, vợ con bị cáo không được phép vào phòng đó.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Văn Huệ phạm tội “*tàng trữ trái phép ma túy*”. Đối với Lê Đắc Tuấn đại diện Viện kiểm sát cho rằng chưa có đủ cơ sở để khẳng định Huệ giao ma túy cho Tuấn đi bán hộ và cũng không xác định việc Tuấn mang ma túy đi giao cho ai mà chỉ có cơ sở khi Tuấn bị bắt trong người đang có cất giữ ma túy nên đã thay đổi một phần bản Cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đắc Tuấn phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Từ nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày: 08/01/2018 đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn Huệ và Lê Đắc Tuấn phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm e khoản 4, 5 Điều 194 (tương ứng điểm e khoản 4, 5 Điều 249 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)); điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Ngô Văn Huệ 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2017. Phạt bị cáo 10.000.000đ để xung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm h khoản 4, 5 Điều 194 (tương ứng điểm h khoản 4, 5 Điều 249 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Lê Đắc Tuấn 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 27/3/2017. Phạt bị cáo 5.000.000đ để xung công quỹ Nhà nước.

*** Nhận xét:**

Nội dung vụ án trên, từ quá trình điều tra, các bị cáo đều thể hiện thái độ thần khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình do đó VKS nhận thấy đủ căn cứ để truy tố bị can Lê Đắc Tuấn phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị can Ngô Văn Huệ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng loạt thay đổi lời khai, quanh co chối tội dẫn đến không đủ cơ sở kết tội bị cáo Tuấn phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” vì trong hồ sơ không có chứng cứ nào để xác định được đối tượng mua ma túy là ai và thực tế Tuấn cũng chưa hề có hành vi giao dịch nào về việc mua bán trái phép chất ma túy nên cũng không có cơ sở để kết tội bị cáo Tuấn về hành vi mua bán trái phép chất ma túy được. Do vậy, TAND tỉnh Bắc Ninh xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Đắc Tuấn và bị cáo Ngô Văn Huệ đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là hoàn toàn phù hợp.

Thực tế vụ án trên đã được giải quyết theo trình tự phúc thẩm do các bị cáo có kháng cáo, tại bản án 324/2018/HSPT ngày 24/5/2018 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Bắc Ninh.

*** Về áp dụng hình phạt:**

Vụ án Tàng KangNam: Đường dây ma túy xuyên quốc gia của Tàng Keangnam bị phát hiện ngày 26/7/2013, khi Tráng A Tàng, Giàng Thị Sua và Tráng A Nénh bị bắt quả tang vận chuyển 265 bánh heroin, 553 viên ma túy tổng hợp. Số heroin này, Tàng mua của một người Lào với giá 1,7 triệu USD rồi giao Giàng A Chờ đón và chở hàng về nhà bố để cất giấu.

Do khách hàng báo tạm ngừng chuyển ma túy nên ông trùm giấu hàng bao tải dứa để tại buồng ngủ của ông Chư, trông coi cẩn mật. Ngày 25/7/2013 khi đối

tác (Lương Thị Thảo) nói cần gấp hàng, Tàng gọi điện thoại cho Tráng A Lầu bảo chuẩn bị ma túy giấu vào ô tô rồi đưa xuống Hà Nội. Đến địa phận Bắc Ninh, cả nhóm bị bắt quả tang CQĐT lần lượt bắt giữ thêm 9 đối tượng liên quan.

Kết luận giám định: 265 bánh heroin, tổng trọng lượng: 92.760,1 gam, hàm lượng trung bình 70,21 %; 553 viên ma túy tổng hợp có thành phần Methamphetamine có trọng lượng 51,5 gam, hàm lượng trung bình 15,47%. Như vậy trọng lượng trung bình thu giữ của 01 bánh heroin là 92.760,1 gam: 265 bánh = 350,038 gam heroin, hàm lượng trung bình là 70,21%.

Kết quả điều tra đã xác định: Tráng A Tàng là đối tượng chủ mưu, cầm đầu cùng các đồng phạm đã tổ chức hình thành đường dây mua bán trái phép chất ma túy từ Lào qua Sơn La về Bắc Giang tiêu thụ, Tráng A Tàng đã mua heroin của các đối tượng Dứa, Nụ người Mông ở bên Lào, Thái Lan rồi tập kết tại nhà Tráng A Chư (bố đẻ Tráng A Tàng) ở xã Lóng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La sau đó tiếp tục bán cho Lương Thị Thảo, Nguyễn Ngọc Thủy, Ngô Phương Anh, Tạ Văn Hùng. Cụ thể: Năm 2005 đến năm 2007, Tráng A Tàng vận chuyển thuê heroin cho đối tượng Giàng A Dính; năm 2007 Tráng A Tàng bán ma túy cho Nguyễn Ngọc Thủy và Ngô Phương Anh, từ tháng 5/2009 đến 7/2009, Tráng A Tàng bán heroin cho Tạ Văn Hùng (bị bắn chết khi đang vận chuyển ma túy). Cũng từ tháng 5/2009 Tráng A Tàng bán heroin cho Lương Thị Thảo, Từ 2009 đến khi bị bắt Tàng và đồng phạm đã thực hiện 13 lần mua bán trái phép chất ma túy với 1791 bánh heroin (626.918,058 gam heroin) cho Lương Thị Thảo và Thảo bán lại cho các đối tượng khác kiếm lời. Dựa và lời khai của Tàng, cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ đối tượng Giàng A Nhà cùng đồng phạm đã 06 lần mua bán trái phép chất ma túy với 390 bánh heroin (136.514,82 gam) hàm lượng trung bình 70,21% và 80 viên ma túy tổng hợp Methamphetamine (7,2 gam) hàm lượng trung bình 12,8% .

Tại bản án số : 30/2016/HSST ngày 21/09/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 điều 194 BLHS 1999 (*Tương đương điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*)

tuyên bị cáo Tráng A Tàng tử hình. Phạt tiền bổ sung 500.000.000đ ((Năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra còn 8 bị cáo khác trong đường dây mua bán ma túy của Tráng A Tàng bị tuyên án tử hình.

Riêng đối với Lương Thị Thảo Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194 BLHS 1999 (*tương đương điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*), Điểm o, p, q, r khoản 1 Điều 46, điểm a, g khoản 1 Điều 48, Điều 53 BLHS 1999 tuyên bị cáo Thảo mức án tù chung thân. Phạt bổ sung 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Vì xét thấy bị cáo Thảo đã thành khẩn khai báo và tích cực tố giác tội phạm lập công chuộc tội, phối hợp với cơ quan công an bắt quả tang Tráng A Tàng giúp Bộ Công An phá đường dây mua bán ma túy xuyên quốc gia của Tráng A Tàng. tuyên phạt án Chung thân là đã đủ mức hình phạt răn đe, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngày 22/3/2017, Tòa án cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm xét kháng nghị tăng hình phạt của VKSND tỉnh Bắc Ninh với bị cáo Lương Thị Thảo trong vụ án ma túy Tráng A Tàng.

Kết thúc 3 ngày xét xử ngày 24/03/2017, HĐXX phúc thẩm Tòa án cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Ninh đề nghị tăng hình phạt của bị cáo Lương Thị Thảo từ tù chung thân lên tử hình về tội mua bán trái phép chất ma túy.

*** Nhận xét:**

Đối với vụ án này, Bản án phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Bắc Ninh và lập luận rằng mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lương Thị Thảo là quá nhẹ vì vậy cần sửa lại bản án theo hướng sửa mức án từ tù chung thân sang tử hình. Theo học viên mặc dù bản án phúc thẩm áp dụng không sai các quy định pháp luật hình sự về xử lý tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, nhưng nhìn nhận một cách khách quan, công tâm, việc xét xử như vậy thì sau này khi điều tra các án có tính chất phức tạp, xuyên quốc gia, các vụ án lớn sẽ gặp phải khó khăn bởi các bị cáo sẽ chuẩn bị được tâm lý khai cũng “chết”

không khai cũng “*chết*” , không khai thì có khi gia đình còn được đồng phạm chu cấp thì liệu tội phạm khi bị bắt có phối hợp với cơ quan điều tra phá án?. Không thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong quá trình phá án bởi thực tế trong vụ án này, sự hợp tác của bị cáo Lương Thị Thảo là đặc biệt quan trọng trong việc triệt phá đường dây ma túy xuyên quốc gia này. Tuy nhiên, bản án của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội theo quan điểm cá nhân của học viên thì là “*hợp lý nhưng không hợp tình*” hợp pháp nhưng không thể hiện được sự nhân đạo, khoan hồng trong chính sách pháp luật của Việt Nam đối với những người biết ăn năn hối cải.

* *Vướng mắc từ vấn đề giám định hàm lượng chất ma túy:*

Theo quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp khi thu giữ được các chất nghi là ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, khối lượng chất ma túy, tiền chất, nhưng phần lớn các vụ án về ma túy không được giám định hàm lượng maocphin vì chỉ có Viện khoa học hình sự - Bộ Công an - mới làm được việc này. Nên trong các kết luận giám định của cơ quan giám định tại địa phương việc xác định định lượng ma túy chỉ ghi là: “**Mẫu vật gửi giám định có chế phẩm heroin...**”, mặt khác chưa có khái niệm thống nhất về “**chế phẩm Heroin**” hoặc “**Heroin**” trong giám định tư pháp. Với kết quả giám định là chế phẩm Hêrôin thì khối lượng chế phẩm Hêrôin có bằng khối lượng Hêrôin không? Nếu là chế phẩm Heroin thì hàm lượng heroin là bao nhiêu % Heroin, còn lại bao nhiêu % là các chất không phải là heroin? Thực tế cho thấy, nếu hàm lượng Heroin càng cao thì giá trị càng lớn và các đối tượng phạm tội về ma túy càng có điều kiện để pha trộn thêm các chất khác để bán cho những người nghiện nhằm thu lợi nhuận cao và cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người sử dụng ma túy.

Việc giám định hàm lượng chất ma túy đối với ma túy ở thể rắn, thể lỏng, các chất ma túy mới như “**ma túy đá**”, “**nước biển**” “**nấm ma túy**”, giám định hàm lượng chất ma túy chứa trong thuốc tân dược (như tranxene, valium...),

thuốc gây nghiện tại nhiều địa phương còn nhiều bất đồng và phải chờ kết quả giám định của cơ quan chuyên môn.

Mặt khác, đối với dung dịch có chứa thuốc phiện, xái thuốc phiện thì việc xác định công thức đổi ra khối lượng thuốc phiện ban đầu rất khó bởi có nhiều loại thuốc phiện khác nhau nên không biết thành phần mocphin trong nó là bao nhiêu %. Vì vậy, một số cơ quan tiến hành tố tụng đã không bóc tách hàm lượng chất ma túy trong các loại thuốc chứa chất gây nghiện hay thuốc hướng tâm thần mà đánh đồng khối lượng của các viên thuốc lắ, thuốc chứa chất gây nghiện, thuốc hướng tâm thần thành khối lượng chất ma túy làm căn cứ để định khung hình phạt, dẫn đến việc đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của người phạm tội trong các vụ án khác nhau còn chưa chính xác, chưa thể hiện hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Trong 1 vụ án có 1 chất ma túy đã vậy thì trong cùng 1 vụ án có từ 2 chất ma túy trở lên việc quy về tổng khối lượng 1 chất để áp dụng khung hình phạt quy định tại các Điều 248, 249, 250, 251, 252 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) càng khó khăn.

** Về việc tính khối lượng ma túy*

Hiện nay, việc tính khối lượng ma túy trong một số vụ án mặc dù đã được giám định hàm lượng, song các cơ quan điều tra và truy tố khi tính khối lượng chất ma túy để xử lý đều căn cứ khối lượng khi thu giữ (gồm tinh chất và tạp chất) thu giữ được để xem xét trách nhiệm hình sự, dẫn đến việc đánh giá tính chất, mức độ phạm tội trong các vụ án không bảo đảm công bằng và khách quan, nhiều trường hợp tạp chất nhiều hơn tinh chất song Viện kiểm sát vẫn truy tố theo khối lượng khi thu giữ và đề nghị các bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất, nếu Tòa án căn cứ vào hàm lượng chất ma túy để quy đổi ra khối lượng thực và xử theo khối lượng thực đó thì Viện kiểm sát sẽ kháng nghị. Vấn đề này đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cần có sự thống nhất với Viện kiểm sát tối cao trong việc tính khối lượng thực để xét xử hoặc có văn bản chỉ đạo cụ thể việc chỉ căn cứ vào khối lượng thực khi đã có giám định hàm lượng để làm căn cứ xét xử và quyết định hình phạt đối với người phạm tội, để việc áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn Hệ thống Tòa án.

Bộ luật hình sự quy định khối lượng chất ma túy được xác định bằng đơn vị gam, kilogam. Thực tế có nhiều vụ án ma túy cơ quan điều tra không thu giữ được tang vật mà chỉ dựa trên lời khai của các đối tượng phạm tội để xác định khối lượng chất ma túy bằng đơn vị bánh, cây, chi, phân rồi từ đó quy ra khối lượng là gam, kilogam là không chính xác. Bởi lẽ, Heroin không phải là hàng hóa được phép lưu thông, do vậy cũng không có đơn vị đo lường nào để đánh giá một bánh Heroin là bao nhiêu gam để quy đổi, dẫn đến việc quy đổi thành khối lượng các chất ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với họ là không phù hợp. Thực tế xét xử hiện nay cho thấy, khối lượng một bánh Heroin mỗi vụ án cũng có sự khác nhau không thống nhất, nên cũng cần xem xét lại vấn đề này. Để giải quyết những vướng mắc trên chúng tôi rất mong Hội đồng Thẩm phán sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn thay thế cho những hướng dẫn trước đây, để khắc phục những vướng mắc trên và có quan điểm chỉ đạo về sự trùng lặp về khối lượng quy định tại điểm c khoản 3 khối lượng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 249; điểm i khoản 2 quy định khối lượng bằng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 250; điểm h khoản 2 quy định khối lượng bằng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 252 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc

Nguyên nhân khách quan:

- Ngày 01 tháng 01 năm 2018, các Bộ luật quan trọng như: Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến việc áp dụng pháp luật ở một số nội dung như đã nêu trên dẫn đến việc áp dụng còn chưa thống nhất, ảnh hưởng đến chất lượng áp dụng pháp luật.

- Số lượng các vụ án về tội phạm ma túy tăng mạnh trong những năm qua; nhiều vụ án lớn tính chất phức tạp.

- Cơ sở vật chất, kinh phí để mua sắm các trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ làm việc phục vụ công tác chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Chế độ

kinh phí đối với hoạt động xét xử còn chưa được quan tâm đúng mức, chưa tương xứng với tính chất đặc thù của ngành Tòa án.

Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức về áp dụng pháp luật của một số Thẩm phán, cán bộ Tòa án còn hạn chế về năng lực, trình độ, kinh nghiệm; chạy theo bệnh thành tích làm ảnh hưởng tới chất lượng giải quyết án.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ của một số thẩm phán còn hạn chế, nên đưa ứng dụng công nghệ vào quá trình làm việc chưa được chú trọng và áp dụng dẫn đến việc tiến hành thủ tục tố tụng của thẩm phán gây tốn kém thời gian, công sức cho chính mình và người tham gia tố tụng.

- Công tác kiểm tra, giám sát cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ chưa được thực hiện một cách thường xuyên và triệt để.

- Trình độ, nhận thức về tranh tụng tại Tòa của người tham gia tố tụng còn thấp nên việc tranh luận, tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chưa đạt hiệu quả.

Tiểu kết chương

Từ những nghiên cứu quy định của Điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm chỉ ra những điểm mới, dấu hiệu đặc trưng trong tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thực tiễn xét xử về các vụ án nói chung và về tội mua bán trái phép chất ma túy nói riêng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ, góp phần giữ vững an ninh , trật tự an toàn xã hội, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên qua thực tiễn xét xử cũng thấy bộc lộ nhiều hạn chế cho các văn bản hướng dẫn còn chưa được hoàn thiện, gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc chỉ ra những hạn chế nguyên nhân trong công tác xét xử vụ án về tội mua bán trái phép chất ma túy tạo tiền đề quan trọng cho học viên triển khai đề xuất những giải pháp thiết thực tại chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ VỀ TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

3.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy

- *Ban hành án lệ:*

Trong thực tế án lệ đã có từ lâu, Án lệ có những ưu điểm sau:

Thứ nhất, án lệ có tính thực tiễn. Nội dung của án lệ là kết quả của việc nghiên cứu hồ sơ vụ án tiêu biểu, đặc thù vì vậy sẽ mang tính thực tiễn hơn các văn bản luật, khắc phục những hạn chế của các văn bản luật. Có thể cho rằng án lệ sinh ra từ thực tiễn và giải quyết những vụ án thực tiễn. Giải pháp này không thiên về lý thuyết, không thiên về lý luận mà thiên về thực tiễn. Trái ngược với pháp luật thành văn, khi áp dụng pháp luật án lệ dễ hiểu, dễ tìm kiếm, dễ giải thích hơn, bởi ngôn ngữ pháp lý còn có những thuật ngữ mơ hồ, khó giải thích.

Thứ hai, với những quan hệ xã hội mới phát sinh thì án lệ là nguồn bổ trợ quan trọng. Thực tế thì các văn bản pháp luật thường có tính ổn định trong khi các quan hệ xã hội luôn vận động và thay đổi. Cho nên các văn bản pháp luật thường bị lạc hậu, kém cập nhật dẫn đến nhiều loại tội phạm mới không bị xử lý. Tình trạng này dẫn đến việc áp dụng pháp luật của những người áp dụng pháp luật khó khăn vì áp dụng pháp luật bất hợp lý thì sẽ thiếu công bằng. Mặt khác để khắc phục tình trạng này thì cần phải sửa đổi, bổ sung luật thông qua một quy trình rất “*hành chính*” tốn nhiều thời gian và công sức của các nhà làm luật cũng như của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên có khi vừa sửa đổi, bổ sung luật xong thì lại có quan hệ xã hội mới phát sinh lại cần sửa đổi, bổ sung.

Thứ ba, Quy trình để tạo thành án lệ rất khắt khe chặt chẽ vậy nên án lệ rất công bằng và khách quan. Một quy tắc án lệ không phải hình thành từ một vụ án mà nó được hình thành từ nhiều vụ án tiêu biểu và nó là kết quả của quá trình tranh luận rất dài.

Vậy nên cần phát triển án lệ để tránh sự tùy nghi của cơ quan tiến hành tố tụng. Hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang triển khai đề án ban hành án lệ. Án lệ là các vụ án được lựa chọn để ban hành giúp cho các thẩm phán áp dụng tránh việc mỗi người có một quan điểm khác nhau. Từ đó giúp Tòa án xét xử công bằng, bình đẳng đúng pháp luật.

- ***Cần quy định niềm tin nội tâm là căn cứ để quyết định hình phạt***

Bộ luật hình sự hiện hành quy định 4 căn cứ để quyết định hình phạt, gồm: Căn cứ vào các quy định của BLHS; căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ vào nhân thân người phạm tội; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Nguyên tắc khi xét xử: Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật được quy định trong các bản hiến pháp của Việt Nam và các văn bản pháp luật khác ban hành như BLTTHS, BLTTDS.

Hiện nay ngành Tòa án đang triển khai quy định về công khai bản án, lựa chọn, nghiên cứu ban hành án lên trang điện tử. Đó là quy luật tất yếu của quá trình hội nhập quốc tế, minh bạch, hiện đại hóa. Muốn pháp luật luôn được áp dụng công bằng trong xã hội, Thẩm phán có vai trò đưa ra những bản án, quyết định hình phạt đúng người, đúng tội, không oan sai, các nhà làm luật cần nghiên cứu thêm một căn cứ để quyết định hình phạt đó là “niềm tin nội tâm” vào làm căn cứ quyết định hình phạt

- ***Bổ sung khái niệm tội phạm về ma túy:*** Hiện nay BLHS mới vẫn chưa đưa ra khái niệm về tội phạm ma túy. Do đó, đề nghị cần phải có điều luật quy định rõ khái niệm tội phạm về ma túy. Theo đó, cần bổ sung thêm điều 247a khái niệm tội phạm về ma túy: ***“Tội phạm về ma túy là những hành vi xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của nhà nước về chất gây nghiện và chất hướng thần cũng như trong việc trồng, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy và các hành vi khác”.***

- ***Bổ hình phạt tử hình đối với tội MBTPCMT:***

Hiện nay vẫn còn án tử hình đối với tội mua bán trái phép chất ma túy, theo quan điểm của học viên việc vấn đề án tử hình chưa thể hiện được tính nhân

đạo của chính sách hình sự trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa. Thực tiễn cho thấy, có rất nhiều người do điều kiện, hoàn cảnh quá khó khăn nên đã chấp nhận “giao” ma túy thuê để kiếm một số tiền công rất thấp so với lợi nhuận mà các đối tượng “chủ” mua bán ma túy thu về, song pháp luật vẫn quy định dựa trên khối lượng ma túy mà họ mua bán để tuyên án tử hình đối với họ là chưa công bằng, dẫn đến việc tuyên án tử hình quá nhiều chưa thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra chi phí tử hình tiêm thuốc độc chi phí khoảng từ 200.000.000 – 300.000.000 đồng, hiện nước ta mới có 05 nhà thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc 6 nhà thi hành án tử hình tại Hà Nội, TPHCM, Nghệ An, Sơn La, Đắk Lắk, Bắc Giang gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Chính vì vậy học viên cho rằng nên bỏ án tử hình đối với tội MBTPCMT thể hiện sự nhân đạo của chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời cũng khuyến khích các đối tượng “giao” ma túy thuê khai ra kẻ chủ mưu trong các đường dây mua bán ma túy lớn, góp phần đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này.

- Về vấn đề định tội danh

Thứ 1: Tại mục 1.4 Phần I Thông tư 17 quy định: “1.4. Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy”.[1].

Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy, nhưng đối tượng tưởng rằng đó là ma túy nên mang đi bán thì vẫn phạm vào khoản 1, Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), của tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nói cách khác, về chủ quan, người phạm tội lầm tưởng đó là ma túy nên đã mang đi bán cho người khác. Tuy nhiên, mặc dù bị nhầm lẫn về khách thể, nhưng do người phạm tội vẫn mong muốn thực hiện việc bán chất ma túy đó nên vẫn phải chịu trách nhiệm về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Điều này sẽ xảy ra sự

bắt cấp là: Một người “*nhảm*” mang 2 bánh heroin (tương đương 750gam) đi bán và một người “*nhảm*” mang 6 gam heroin đi bán đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 251 BLHS2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là không hợp lý vì số lượng bị “*nhảm*” ở đây là chênh lệch nhau rất lớn. Nếu đối tượng phạm tội khai thác vào lỗ hổng này thì sẽ là rất nguy hiểm cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm về mua bán ma túy. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn khắc phục tình trạng này.

Thứ 2: Trước đây Điều 194 BLHS 1999, quy định ghép bốn tội trong một điều luật. Do vậy, theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 thì ***“Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 194 (hoặc Điều 195 hoặc Điều 196) của BLHS mà các hành vi đó có liên quan chặt chẽ với nhau (hành vi phạm tội này là điều kiện để thực hiện hoặc là hệ quả tất yếu của hành vi phạm tội kia), thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với tất cả các hành vi đã được thực hiện theo điều luật tương ứng và chỉ phải chịu một hình phạt”***.^[1].

Ví dụ: Một người mua ma túy từ Sơn La rồi vận chuyển về Bắc Ninh tàng trữ, sau đó mang ra bán lẻ thì bị bắt thì sẽ xử bằng một tội danh đầy đủ là ***“mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy”*** và chỉ áp dụng bằng một hình phạt.

Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đã tách bốn hành vi trước đây quy định tại Điều 194 thành bốn tội danh độc lập quy định từ Điều 249 đến 252. Nếu xảy ra trường hợp như ví dụ trên thì nay sẽ xử lý thế nào? Theo chúng tôi, không thể xử theo một tội danh đầy đủ như hướng dẫn tại Thông tư 17 được mà phải xử theo từng tội danh độc lập.

Ví dụ: Một người bị bắt quả tang đang bán trái phép chất ma túy thì bị bắt, tiến hành khám xét nhà người đó tiếp tục thu được một lượng ma túy khác. Trong trường hợp này phải xử người đó hai tội độc lập là ***“tàng trữ trái phép chất ma túy”*** theo Điều 249 và ***“mua bán trái phép chất ma túy”*** theo Điều 251 BLHS2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), sau đó áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt buộc họ phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội. Chúng tôi cho rằng, cần

phải xử theo hai tội độc lập mới thể hiện sự nghiêm khắc và phù hợp với nhu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, đây là vấn đề sẽ gây bất lợi cho người phạm tội và cũng sẽ có nhiều quan điểm cho rằng cần nghiên cứu về mặt chủ quan của tội phạm để xác định việc tàng trữ trái phép chất ma túy thực chất là điều kiện hoặc là hệ quả tất yếu của hành vi mua bán trái phép chất ma túy để hút vào tội mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, Tòa án nhân dân tối cao cũng cần kết hợp với Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể để việc áp dụng pháp luật được thống nhất trong toàn quốc.

- **Về vấn đề giám định hàm lượng các chất ma túy:** Hiện nay, vấn đề giám định hàm lượng chất ma túy cũng đang là vấn đề có nhiều bàn cãi. Do đó, Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08), sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17 ra đời.

Qua nghiên cứu và thực tiễn áp dụng chúng tôi thấy nội dung của Thông tư liên tịch số 08 chúng tôi thấy có những vướng mắc như sau:

Thứ nhất: Thông tư liên tịch số 08 sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

“1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c. Xái thuốc phiện;

d. Thuốc gây nghiện, thuốc hương thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật...”[2].

Theo chúng tôi, việc hướng dẫn như trên thực chất chỉ tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra và truy tố còn lại là gây khó khăn cho Tòa án khi xét xử và bộc lộ những vướng mắc như sau:

1. Trong các trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì thực tế rất ít vụ án về ma túy khi chất ma túy bị thu giữ ở thể rắn mà lại được pha loãng ví dụ như Heroín các đối tượng tàng trữ khi bị bắt thì các đối tượng này đã pha loãng để chích vào cơ thể, nếu khi giám định ra hàm lượng ma túy là bao nhiêu phần trăm thì tính quy đổi thành Heroín nguyên chất sẽ quy đổi như thế nào? Hiện cũng chưa có hướng dẫn cụ thể, trong khi mà Cơ quan điều tra thông thường chỉ giám định hàm lượng còn lại không quy đổi, chẳng lẽ chúng ta xét xử cả nước lã hoặc nước cất? Cũng như đối với ma túy ở thể lỏng được các đối tượng tàng trữ khi bị bắt thì các đối tượng này đã chích vào cơ thể, nếu khi giám định ra hàm lượng ma túy là bao nhiêu phần trăm thì tính quy đổi ra heroín ra sao ?

2. Thông tư 08 hướng dẫn ***“...Nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm cho việc xét xử đúng pháp luật...”***. Hướng dẫn như vậy, theo chúng tôi sẽ dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật không thống nhất, dẫn đến việc Tòa án cấp trên có thể hủy án của Tòa án cấp dưới bất cứ lúc nào bởi lẽ: Về nguyên tắc xét xử thì đương nhiên phải bảo đảm nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật vậy hiểu thế nào là ***“có căn cứ và xét thấy cần thiết...”***? Hướng dẫn như vậy liệu có phải là hướng dẫn mang tính tùy nghi, có thể cấp sơ thẩm bảo không cần thiết, xong cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm lại bảo là cần thiết thì sẽ hủy bản án. Chúng tôi cho rằng, đối với các vụ án về ma túy thì khi thu giữ được các chất nghi là ma túy thì phải giám định hàm lượng chất ma túy và như vậy thì mới xét xử theo đúng pháp luật. Chúng ta không thể tuyên một bản án tử hình đối với một người khi họ mua bán ma túy mà lại chỉ có ba trăm gam là ma túy còn lại bảy trăm gam

là bột sắn hoặc bột mỳ được!. Vì vậy muốn hoạt động Điều tra, Truy tố, Xét xử luôn đảm bảo sự công bằng, khách quan thì phải giám định hàm lượng các chất ma túy.

Trong trường hợp Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định hàm lượng ma túy, thì Cơ quan nào thực hiện việc đi giám định? Thủ tục như thế nào? Kinh phí giám định lấy ở đâu? Cơ quan giám định có gây khó khăn không? Có bảo đảm thời hạn xét xử hay không? Có vi phạm tố tụng không? Đây chính là những khó khăn mà Thông tư số 08 hướng dẫn đã dành cho Tòa án. Đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng trung ương có hướng dẫn cụ thể..

Thứ hai: Trong Thông tư số 08 có hướng dẫn “...***Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng.***”[2].

Theo chúng tôi hướng dẫn trên nhằm khắc phục những vụ án về ma túy không thu giữ được ma túy, nhưng chỉ dựa vào lời khai của họ hoặc lời khai của các đồng phạm là chưa thuyết phục vì không có căn cứ nào để xác định trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt?. Chủ yếu lời khai chỉ là bao nhiêu bánh Hêroin, căn cứ vào đâu để tính trọng lượng một bánh Hêroin là bao nhiêu gam, vì không có Cơ quan đo lường chất lượng nào quy định về vấn đề này, thực tế xét xử cũng cho thấy trọng lượng các bánh Hêroin thu giữ trong các vụ án về ma túy đã xét xử là không giống nhau có bánh là 350 gam, có bánh lại 300 gam hoặc ít hơn 300 gam... Nếu vậy việc xác định trọng lượng ma túy có chính xác không? Mặt khác trong thực tiễn nhiều trường hợp bị can nhận tội nhưng khi đưa ra xét xử bị cáo phản cung điều này làm cho Thẩm phán xét xử phải trả điều tra bổ sung vì không thu được vật chứng là ma túy. Đề nghị Công an , Viện Kiểm Sát, Tòa án có hướng dẫn cụ thể.

- **Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành:** Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã tách các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép và chiếm đoạt chất ma túy Điều 194 BLHS năm 1999 thành 04 Điều: Điều 249, Điều 250, Điều 251, Điều 252. Bên cạnh những điểm tiến bộ từ việc tách thành những tội danh riêng biệt, thì việc thay đổi kỹ thuật lập pháp này cũng khiến đường lối xử lý các vụ án về tội phạm ma túy gặp phải sự không thống nhất. Nhưng các văn bản hướng dẫn còn chưa được cập nhật tức thời dẫn đến khi xảy ra các vụ án đã được nêu bên trên, các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong việc áp dụng pháp luật, vì vậy cần sớm hành văn bản hướng dẫn về định tội danh trong một số trường hợp đối với tội mua bán trái phép chất ma túy.

- **Sửa đổi, thay thế một số văn bản đã phát sinh hạn chế, bất cập:** Khoản trưng thay thế thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP và Thông tư 08/2015/TTLT-BCA-VKSTC-TANDTC-BTP cho phù hợp với BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra cần sớm sửa đổi lại Nghị quyết số 01/2001 ngày 15/3/2001 theo hướng, hướng dẫn việc quyết định hình phạt căn cứ vào khối lượng các chất ma túy ở tất cả các khung hình phạt chứ không chỉ khoản 4 ở một số tội như hiện nay.

Việc thay thế sửa đổi các văn bản pháp luật trên cần xem xét tính phù hợp hay hạn chế của tội mua bán trái phép chất ma túy trong thực tiễn thi hành của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trong thời gian tới.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử Tội mua bán trái phép chất ma túy.

3.2.1 Giải pháp trong công tác tổ chức

Để nâng cao chất lượng trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự về tội phạm mua bán trái phép chất ma túy nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung của TAND, có thể thấy yếu tố con người đóng vai trò quyết định, đó là những Thẩm phán, người tiến hành xét xử và những cán bộ ngành Tòa án trong cơ cấu trực thuộc hỗ trợ cho hoạt động xét xử. Các chủ thể tiến hành tố tụng phải được làm việc trong một cơ cấu tổ chức được sắp xếp một cách khoa học và hợp lý thì mới hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình.

Hiện nay, theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, thì hệ thống Tòa án được tổ chức làm 4 cấp, đó là Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên trong cơ cấu Tòa chuyên trách hiện nay chưa có Tòa chuyên trách xét xử án ma túy, trong khi đó khối lượng án ma túy hàng năm đều tăng và chiếm tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu các loại án. Do vậy, học viên thấy cần thành lập thêm Tòa chuyên trách xét xử án ma túy nhằm nâng cao chất lượng xét xử các vụ án về ma túy trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Theo Điều 38 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì cơ cấu tổ chức của TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm có: Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa kinh tế, Tòa lao động và Tòa gia đình và người chưa thành niên. Hiện nay, TAND tỉnh Bắc Ninh chưa thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên, do vậy trong giai đoạn tới TAND tỉnh Bắc Ninh cần kiện toàn, tổ chức cơ cấu thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên nhằm xét xử các vụ án về mua bán trái phép chất ma túy do người chưa thành niên thực hiện được chính xác và phù hợp với lứa tuổi của người phạm tội.

Hiện nay, tình trạng thiếu thẩm phán không chỉ là vấn đề nan giải đặt ra cho TAND tỉnh Bắc Ninh mà xảy ra trong hầu hết hệ thống Tòa án nhân dân trong cả nước. Việc Thẩm phán đang quá tải về số lượng các vụ án phải xét xử, dẫn đến chất lượng xét xử không đảm bảo; bởi dù có cố gắng như thế nào đi chăng nữa nếu khối lượng công việc quá lớn, vượt quá nhiều lần ngưỡng cho phép thì Thẩm phán cũng không thể đáp ứng được yêu cầu công việc và nhiệm vụ chính trị đề ra. Vì vậy, cần có thêm chỉ tiêu biên chế Thẩm phán cả sơ cấp, trung cấp, cao cấp để tránh hiện tượng quá tải như hiện nay và cũng để các Thẩm phán có thêm thời gian nghiên cứu, tự học để nghiên cứu hồ sơ một cách toàn diện và đầy đủ hơn phục vụ tốt nhiệm vụ xét xử của Tòa án nhân dân. Cần quán triệt thực hiện các Luật, Bộ luật, Pháp luật được Quốc hội, ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án, đặc biệt là Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật hình sự (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành đến tòa bộ cán bộ, công chức, người lao động của Tòa án nhân dân. Chuẩn

bị đầy đủ cơ sở vật chất, sắp xếp đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xét xử đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đến năm 2020 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết các loại án, phát huy dân chủ công khai tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp, tăng cường xét xử lưu động các loại án về tội phạm ma túy.

+ *Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống Tòa án nhân dân*

Mặc dù đã được Nhà nước quan tâm, nhưng đến nay kinh phí hoạt động của Tòa án các cấp vẫn còn hạn hẹp, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác của các Thẩm phán trong giải quyết các vụ án am tủy còn hạn chế. Hoạt động xét xử của các Tòa án do vậy cũng bị ảnh hưởng ít nhiều, như các phiên tòa phải được xét xử trong nhiều ngày nhưng do kinh phí hạn hẹp nên thường phải rút ngắn thời gian xét xử, ảnh hưởng tới đến việc xem xét và đánh giá chứng cứ và các phiên tòa xét xử lưu động về án ma túy, ở cấp huyện, kinh phí ít, không có xe vận chuyển nên các phương tiện phục vụ cho việc xét xử của Thẩm phán và cán bộ còn thiếu, các Thẩm phán gặp nhiều khó khăn trong việc tìm tài liệu, văn bản pháp luật. Công tác theo dõi hồ sơ, số liệu, thụ lý vụ án ma túy và lưu trữ được thực hiện theo phương pháp thủ công, do đó không đáp ứng được yêu cầu của công việc xét xử. Do vậy, cần tăng cường điều kiện về phương tiện cơ sở vật chất cho các Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, cụ thể như sau:

Hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác xét xử. Nhà nước cần có quy định rõ ràng về việc cấp phát các văn bản pháp luật cho Thẩm phán Tòa án nhân dân hoặc trang bị cho mỗi Thẩm phán một máy tính riêng và phần mềm lưu trữ văn bản pháp luật được cập nhật thường xuyên và liên tục, để các Thẩm phán có điều kiện thuận lợi trong việc đối chiếu quy phạm và áp dụng hình phạt. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc như: thụ lý án, lưu trữ tài liệu....

Tăng cường việc cấp tài liệu, sách báo khoa học pháp lý hình sự cho các Thẩm phán và cán bộ, nhất là các tạp chí lý luận chuyên ngành luật hình sự để

họ có thể kịp thời nắm bắt được loại ma túy cũng như hướng xét xử án ma túy trong thời kì mới.

Hiện đại hóa phòng xét xử, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho các Tòa án nhân dân, đảm bảo cho hoạt động xét xử tại Tòa, phòng xét xử phải thể hiện được sự trang nghiêm của Tòa án, Tạo ra sự tin tưởng cho những người tham dự phiên Tòa. Phối hợp với bên công an đảm bảo an toàn trật tự tại phiên tòa tránh mất trật tự cũng như gây rối tại phiên tòa. Bên cạnh việc tăng cường trang thiết bị, và cơ sở vật chất cho Tòa án, Nhà nước phải chế độ chính sách cho Thẩm phán cũng như cán bộ Tòa án.

Tóm lại cần khẩn trương xây dựng mới trụ sở làm việc đối với những Tòa án đang phải đi thuê trụ sở; nâng cấp, sửa chữa trụ sở các Tòa án đã xuống cấp. Trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác xét xử. Cung cấp kịp thời, thường xuyên các văn bản hướng dẫn, tài liệu tham khảo, tài liệu tra cứu... Bởi những yếu tố này có những ảnh hưởng nhất định đến việc nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân. Điều kiện vật chất; phương tiện đi lại, máy móc làm việc; trụ sở làm việc, phòng xét xử, phòng nghị án, trang phục ngành Tòa án... được trang bị đầy đủ, hiện đại thì sẽ góp phần trực tiếp vào việc thể hiện sự trang nghiêm của Tòa án; đội ngũ cán bộ Tòa án có đủ phương tiện làm việc thì việc xét xử sẽ đảm bảo chất lượng hơn, họ sẽ tập trung vào công việc mà không bị chi phối bởi sự khó khăn về điều kiện, phương tiện làm việc.

3.3.2 Giải pháp về hoàn thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Tòa án cấp sơ thẩm và Hội Thẩm nhân dân

- Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Tòa án sơ cấp

Việc nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, bồi dưỡng phẩm chất chính trị nhất là kiến thức về xã hội cho đội ngũ Thẩm phán là vấn đề vô cùng quan trọng. Hiện nay, đa số các Thẩm phán tuy đã có trình độ đại học Luật và lý luận chính trị, nhưng kiến thức về ma túy, đặc biệt là những loại ma túy tổng hợp mới còn nhiều hạn chế. Và hơn nữa các hình thức sử dụng ma túy cũng khác với trước đây. Việc nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ Thẩm phán và cán bộ

Tòa án là công việc quan trọng, nên cần tiến hành thường xuyên, liên tục. Thực hiện tốt công việc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị và các kiến thức khoa học cần thiết cho Thẩm phán và cán bộ Tòa án là giải pháp trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự nói chung và chất lượng xét xử các vụ án mua bán trái phép chất ma túy nói riêng của hệ thống Tòa án nhân dân.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống Tòa án các cấp; thực hiện tốt công tác cán bộ như: quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, Tuyển dụng cán bộ Tòa án theo biên chế đã được giao. Tăng cường công tác xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án có đủ đức đủ tài để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho, xây dựng quy định về xử lý cán bộ vi phạm.

Những văn bản luật và những văn bản hướng dẫn luật thay đổi thường xuyên. Điều này đòi hỏi Thẩm phán phải nhanh chóng nắm bắt những thay đổi của pháp luật để có thể xử án một cách công minh. Để hoàn thiện, nâng cao chất lượng Thẩm phán ở Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm cần phải thực hiện một số yêu cầu sau:

Một là: Việc đào tạo bồi dưỡng cử đi học nghiệp vụ Thẩm phán, phải có kế hoạch quy hoạch cụ thể không để đi học tràn lan, ảnh hưởng đến hoạt động các Tòa án, lãng phí tiền của Nhà nước cũng như của cán bộ Tòa án. Đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán phải bám sát với yêu cầu của công tác xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm và cũng như có đánh giá năng lực xét xử của Thẩm phán để bổ nhiệm Thẩm phán tránh việc bổ nhiệm nhưng không hoàn thành nhiệm vụ.

Hai là: Tăng cường đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng đào tạo thẩm phán vì những Thẩm phán đương nhiệm, cán bộ Tòa án áp lực công việc lớn nên đào tạo tập trung là khó thực hiện. Vì vậy cần có hình thức bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày hoặc học trực tuyến; bồi dưỡng theo chuyên đề hoặc mời chuyên gia về địa phương giảng dạy. Cần quy định rõ trong mỗi nhiệm kỳ của Thẩm phán, phải tham gia một khóa học tập bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn tinh giản biên chế như hiện nay.

Ba là: Để công tác giải quyết và xét xử các vụ án ma túy của Tòa án cấp sơ thẩm đạt chất lượng, hiệu quả thì cán bộ Tòa án nói chung cũng như Thẩm phán cấp sơ thẩm nói riêng phải có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt và quan trọng nhất là kiến thức về ma túy vững vàng. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Tòa án, đặc biệt là việc triển khai, quán triệt các Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp nhằm nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật đề cao trách nhiệm của Chánh án.

Tóm lại, việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tòa án cấp sơ thẩm và nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ Tòa án là công việc rất quan trọng, nên cần tiến hành thường xuyên. Bồi dưỡng, giáo dục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhằm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt công tác tổ chức, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm Thẩm phán, luân chuyển cán bộ, nội bộ luôn có sự đoàn kết cao. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và trang thiết bị kịp thời các văn bản, tài liệu cần thiết cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký, cán bộ nghiệp vụ. Cần có chế độ đặc thù về thang bậc lương đối với các chức danh tư pháp mà cụ thể là Thẩm phán, để các Thẩm phán toàn tâm, toàn ý không phải lo lắng về cơm, áo, gạo, tiền chi phối đến công việc xét xử. Việc không phải bận tâm về vấn đề tiền lương cũng tạo tiền đề cho sự tập trung công việc không có những suy nghĩ lệch lạc, không có hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, nghề Thẩm phán là một nghề có tính đặc thù riêng, vất vả, áp lực, đôi khi còn gặp nguy hiểm cho họ và người thân. Do vậy, xây dựng quy định về bảo vệ Thẩm phán và người thân cũng như xây dựng quy định về chế độ bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp.

+ Giải pháp nâng cao chất lượng hội thẩm nhân dân

Phải hiểu rằng, trong quá trình xét xử, hội đồng xét xử gồm thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Ngành tòa án muốn giải quyết tốt những vấn đề này thì cần phải có kế hoạch đầu tư kinh phí để bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp lý cho đội ngũ hội thẩm kiến thức về ma túy và các loại ma túy mới. Vì chỉ khi hội thẩm nhân dân có sự am hiểu pháp lý như

thẩm phán, thì trong quá trình giải quyết vụ án, hội thẩm sẽ không lúng túng, đề bản án được khách quan, khoa học. Vì thẩm phán và hội thẩm nhân dân ngang quyền nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của hội thẩm nhân dân trong công tác xét xử, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cải cách tư pháp ần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế bầu cử và tiêu chuẩn lựa chọn hội thẩm nhân dân các cấp;

Theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Thẩm phán và HTND quy định: “*Ủy ban Mặt trận tổ quốc là cơ quan được quyền giới thiệu thành phần tham gia Hội thẩm nhân dân, trên cơ sở giới thiệu của Ủy ban Mặt trận tổ quốc thì Hội đồng nhân dân các cấp sẽ bầu hội thẩm của cấp mình*”.

Về tiêu chuẩn lựa chọn Hội thẩm nhân dân, gồm các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị ngoài ra các tiêu chuẩn về kiến thức pháp luật, kinh nghiệm thực tiễn cũng rất quan trọng vì nếu kiến thức pháp lý yếu kém thì Hội thẩm nhân dân không thể hoàn thành nhiệm vụ xét xử và không thể độc lập trong quá trình biểu quyết, quyết định vụ án. Vậy nên trong quá trình lựa chọn hội thẩm nhân dân cần xác định các tiêu chuẩn cụ thể, ít nhất phải là những người có trình độ hiểu biết pháp luật. Sau khi được hội đồng nhân dân bầu, Hội thẩm nhân dân phải được bồi dưỡng, kiến thức xét xử các loại án. Đồng thời Tòa án nhân dân cần cung cấp đủ các tài liệu những văn bản, quy định, hướng dẫn hiện hành về xét xử các loại án.

Thứ hai, phải quan tâm đến chế độ lương thưởng của Hội thẩm nhân dân. Nhà nước cần bảo đảm điều kiện làm việc tốt nhất cho hoạt động của hội thẩm như nguồn kinh phí thường xuyên, trang phục, phương tiện đi lại

Thời gian gần đây, mặc Đảng và Nhà nước đã quan tâm tới Hội thẩm nhân dân, nhưng nhìn chung kinh phí hoạt động cho hội thẩm nhân dân còn quá eo hẹp, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ từ Tòa án . Mức thanh toán cho hội thẩm nhân dân hiện nay với quy định 90.000 đồng /vụ nghiên cứu hồ sơ hoặc tham gia xét

xử là thấp mặt khác có vụ nửa ngày cũng 90.000 đồng, có vụ 4 – 5 ngày xét xử cũng 90.000 đồng là chưa phù hợp dẫn đến có Hội thẩm thấy các vụ án 4-5 ngày xét xử liền từ chối không nhận vụ án. Đề nghị Tòa án tối cao có quy định cụ thể khắc phục tình trạng.

Ngoài ra, pháp luật cũng cần quy định chế độ trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân đối với các bản án, quyết định mà mình tham gia Hội đồng xét xử để nâng cao trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân đối với hoạt động xét xử. Cần xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Hội thẩm nhân dân nào có nhiều bản án bị hủy, bị sửa, vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Chú trọng hội thẩm nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt; tổ chức tập huấn nhằm nâng cao trình độ, đảm bảo cho hội thẩm nhân dân được độc lập, chỉ tuân thủ theo pháp luật và ngang quyền với thẩm phán khi xét xử; phát huy tinh thần dân chủ, thể hiện tiếng nói của nhân dân trong các phán quyết của Tòa án.

3.3 Nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng

Để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án ma túy, đẩy lùi tệ nạn ma túy, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương cần có những biện pháp nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng sau:

Thứ nhất: Nâng cao trách nhiệm của Thủ trước các đơn vị Công an, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc giải quyết các vụ án ma túy trọng điểm. Chủ động phân công cán bộ tiến hành tố tụng có kinh nghiệm, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt trực tiếp giải quyết vụ án ma túy trọng điểm. Kiểm sát viên phải tăng cường kiểm sát điều tra chặt chẽ ngay từ giai đoạn điều tra để đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử nhanh chóng, kịp thời, đúng người đúng tội, không oan sai.

Thứ hai: Tăng cường phối hợp giữa ba ngành: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án. Khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán cần chủ động làm việc với Kiểm sát viên, lực lượng công an bảo vệ phiên tòa về dẫn giải bị cáo cũng như bảo vệ phiên tòa. Và tránh trường hợp những án khó phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần. Nhất là ở những vụ án xét xử lưu động khi xét xử cần phải nhanh

chóng, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật trực tiếp đến người tham dự phiên tòa, tạo sự quan tâm của quần chúng nhân dân tại nơi phiên tòa được xét xử. Giúp nhân dân dễ hiểu, dễ nhớ các quy định của pháp luật. Ngoài ra còn thể hiện sự quyền uy, nghiêm minh của pháp luật để người dân tin tưởng vào lẽ phải, công lý vào Tòa án.

Thứ ba: Hằng năm, liên ngành Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tổ chức tổng kết việc giải quyết các vụ án về ma túy. Nêu những hạn chế, bất cập và đưa ra giải pháp. Đặc biệt là đối với những địa phương có số lượng án ma túy thấp, ít va chạm trong việc giải quyết án ma túy thì rất cần học hỏi những kinh nghiệm của những địa phương có nhiều án.

Tiểu kết chương

Trên cơ sở phân tích nghiên cứu lý luận về tội mua bán trái phép chất ma túy từ các quy định của pháp luật hình sự nước ta và thực tiễn xét xử loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 5 năm từ 2013-2017, học viên đề xuất các giải pháp cơ bản thiết thực góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy và giải pháp nâng cao chất lượng xét xử đối với loại tội phạm này của hệ thống Tòa án nhân dân.

KẾT LUẬN

Tội phạm ma túy nói chung và tội mua bán trái phép chất ma túy nói riêng qua những năm gần đây diễn ra ngày càng tăng, tính chất ngày càng nghiêm trọng, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, với các ổ nhóm chuyên nghiệp nhiều đối tượng tham gia, mua bán với số lượng ma túy lớn. Để ngăn chặn thảm họa ma túy, Đảng và Nhà nước ta đã đầu tư nhiều công sức, tiền của xây dựng lực lượng chuyên trách phòng chống các tội phạm về ma túy và vận động nhân dân tham gia vào việc đấu tranh, phát hiện phòng chống các tội phạm về ma túy. Luận văn đưa ra quan điểm về khái niệm “*ma túy*”, “*chất ma túy*” và “*tội mua bán trái phép chất ma túy*”, khái quát về lịch sử lập pháp của tội mua bán trái phép chất ma túy, từ lý luận chung nhất về BLHS, cơ sở của BLHS luận văn đã xác định rõ các yếu tố cấu thành tội phạm của tội mua bán trái phép chất ma túy. Đặc điểm pháp lý của các yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy như: khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan ... là căn cứ để xác định chính xác tội danh trong thực tiễn xét xử. Những nghiên cứu của luận văn giúp các cán bộ làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự một cách chính xác, hiệu quả cao, tránh những sai sót đáng tiếc có thể xảy ra. Luận văn thông qua số liệu thống kê hình sự, luận văn đã phân tích, đánh giá các đặc điểm về chất và lượng của thực tiễn xét xử tội mua bán trái phép chất ma túy ở tỉnh Bắc Ninh trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017, cho thấy việc áp dụng quy định của Điều 194BLHS 1999 về tội mua bán trái phép chất ma túy (*trùng ứng Điều 251 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*) và các văn bản hướng dẫn áp dụng còn nhiều hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện. Đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội MBTPCMT. Trong quá trình thực hiện Luận văn, tác giả đã nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và đặc biệt là sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn khoa học. Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tiễn của học viên còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự quan tâm và giúp đỡ của quý thầy giáo, cô giáo, các độc giả để luận văn được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp (2007), *Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999, Hà nội.*
2. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp (2015), *Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLN ngày 14/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội.*
3. Trần Văn Biên và Đinh Thế Hưng (chủ biên), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb. Thế giới, 2017;
4. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề chung về định tội danh)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004) *Định tội danh: lý luận hướng dẫn mẫu và 350 bài thực hành*, nxb Hà Nội.
8. Mai Ngọc Chính (2017), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sơn La*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, năm 2017.
9. Chính phủ (2013), *Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về việc Ban hành danh mục chất ma túy và tiền chất*, Hà Nội.
10. Lê Hồng Chương; Sau một năm thực hiện kế hoạch liên ngành 1413 về phòng chống nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên. Tạp chí CAND số 3/1998.
11. Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

12. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

13. Nguyễn Minh Đức (2015), *Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ án ma túy*, Tạp chí kiểm sát, số 20, tr. 7 - 13.

14. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

15. Nguyễn Huy Hoàng (2013), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Lai Châu*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

16. Trần Minh Hưởng, *Bình luận khoa học luật hình sự Việt Nam* (có sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2013.

17. Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự,
<http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676677/27982384?tailieu=152>

18. Trần Văn Luyện (chủ biên), *Bình luận khoa học bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi Bổ sung 2017) - Phần tội phạm*, nxb. Công an nhân dân, 2017;

29. Cao Thị Oanh (2012), *Một số vấn đề liên quan đến hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự*, Luật học.

20. Cao Thị Oanh (2013), *Kỹ thuật lập pháp của Bộ luật Hình sự Việt Nam một số hạn chế và kiến nghị*, Nghề luật, Học viện Tư pháp

21. Trương Văn Phong (2000), *Cuộc chiến chống ma túy của thế giới đương đại*; Nxb Trẻ.

22. Đinh Văn Quế (2001), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm (tập IV) Các tội phạm về ma túy*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

24. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm (tập IV) Các tội phạm về ma túy*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội

26. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
39. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung)*, Hà Nội
30. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội
31. Quốc hội (2001), *Hiến pháp*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
33. Quốc hội (2000), *Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2008), *Luật phòng, chống ma túy (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
35. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*, Luật học.
36. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Nguyễn Thủy Thanh (2012), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
38. Phan Thị Hồng Thắng (2013), *Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật hình sự*, Hà nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của bộ luật hình sự*, Hà Nội.
41. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập II)*, Nxb. CAND, Hà Nội, 2014;

42. Phạm Minh Tuyên (2013), *Các tội phạm về ma túy ở Việt Nam cơ sở lý luận và thực tiễn xét xử (tài liệu tham khảo dùng cho các Thẩm phán, thư kí Tòa án)*, nxb Hồng Đức.

43. Từ điển Bách khoa Công an nhân dân (1996), Nxb Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, tr.583.

44. Từ điển Bách khoa Công an nhân dân (2005), Nxb Công an nhân dân, tr.28.

45. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

46. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

47. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

48. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

49. Nguyễn Xuân Yêm, Trần Văn Luyện (2002), *Hiểm họa ma túy và cuộc chiến mới*, Nxb Công an nhân dân.

50. <http://www.un.org.vn>

51. <http://www.who.int>